

SỞ NỘI VỤ THANH HÓA

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH; UBND CÁC
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2014**

THANH HÓA, THÁNG 11/2015

Số: **753** /BC-SNV

Thanh Hóa, ngày **17** tháng 11 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. Ngày 19/3/2015, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 936/2015/QĐ-UBND về việc Quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh (sở, ngành), UBND các huyện, thị xã, thành phố (các huyện) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong đó, giao Sở Nội vụ xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả; công bố Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) hàng năm của các sở, ngành; các huyện.

Ngày 02/4/2015, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 173/KH-SNV về việc triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014; đồng thời ban hành văn bản hướng dẫn việc tự đánh giá, xác định chỉ số Cải cách hành chính gửi các sở, ngành; các huyện.

Sau quá trình tổng hợp, thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị; ý kiến của các thành viên Tổ thẩm định (theo Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh) tại Biên bản thẩm định số 732/BB-SNV, Sở Nội vụ báo cáo kết quả Chỉ số CCHC năm 2014 của các sở, ngành; các huyện như sau:

PHẦN MỘT: CẤU TRÚC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

I. CẤU TRÚC CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành

Chỉ số CCHC sở, ngành được đánh giá xác định trên 8 lĩnh vực, 24 tiêu chí và 74 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

a) Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 6 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành: 2 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;

- c) Cải cách thủ tục hành chính: 2 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần;
- d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 3 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;
- đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 4 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần;
- e) Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: 2 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- h) Hiện đại hoá hành chính: 2 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.
- i) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 3 tiêu chí và 7 tiêu chí thành phần.

2. Chỉ số cải cách hành chính của các huyện

Chỉ số CCHC các huyện được xác định trên 8 lĩnh vực, 29 tiêu chí và 89 tiêu chí thành phần, cụ thể là:

- a) Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 6 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;
- b) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại huyện: 5 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần;
- c) Cải cách thủ tục hành chính: 2 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;
- d) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 3 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần;
- đ) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức: 5 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;
- e) Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: 2 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- h) Hiện đại hoá hành chính: 2 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần;
- i) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: 4 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.

II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Theo quy định tại Quyết định số 936/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Chỉ số CCHC được xây dựng riêng cho các sở, ngành và các huyện; được xác định bằng tỉ lệ % giữa “Tổng điểm đạt được” sau khi thẩm định và “Tổng điểm tối đa (100 điểm).

Như vậy, Chỉ số CCHC được so sánh giữa sở, ngành với sở, ngành và giữa đơn vị cấp huyện với nhau, theo phương pháp đánh giá như sau:

1. Các đơn vị tự đánh giá, chấm điểm theo thang điểm đã quy định.
2. Tổ thẩm định tiến hành thẩm định kết quả tự đánh giá chấm điểm của các sở, ngành, các huyện.

3. Trên cơ sở tự đánh giá chấm điểm của các đơn vị và ý kiến đánh giá của Tổ thẩm định, Sở Nội vụ tổng hợp đưa ra kết quả đánh giá Chỉ số CCHC của các sở, ngành; các huyện trong tỉnh.

PHẦN HAI: KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2014

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm

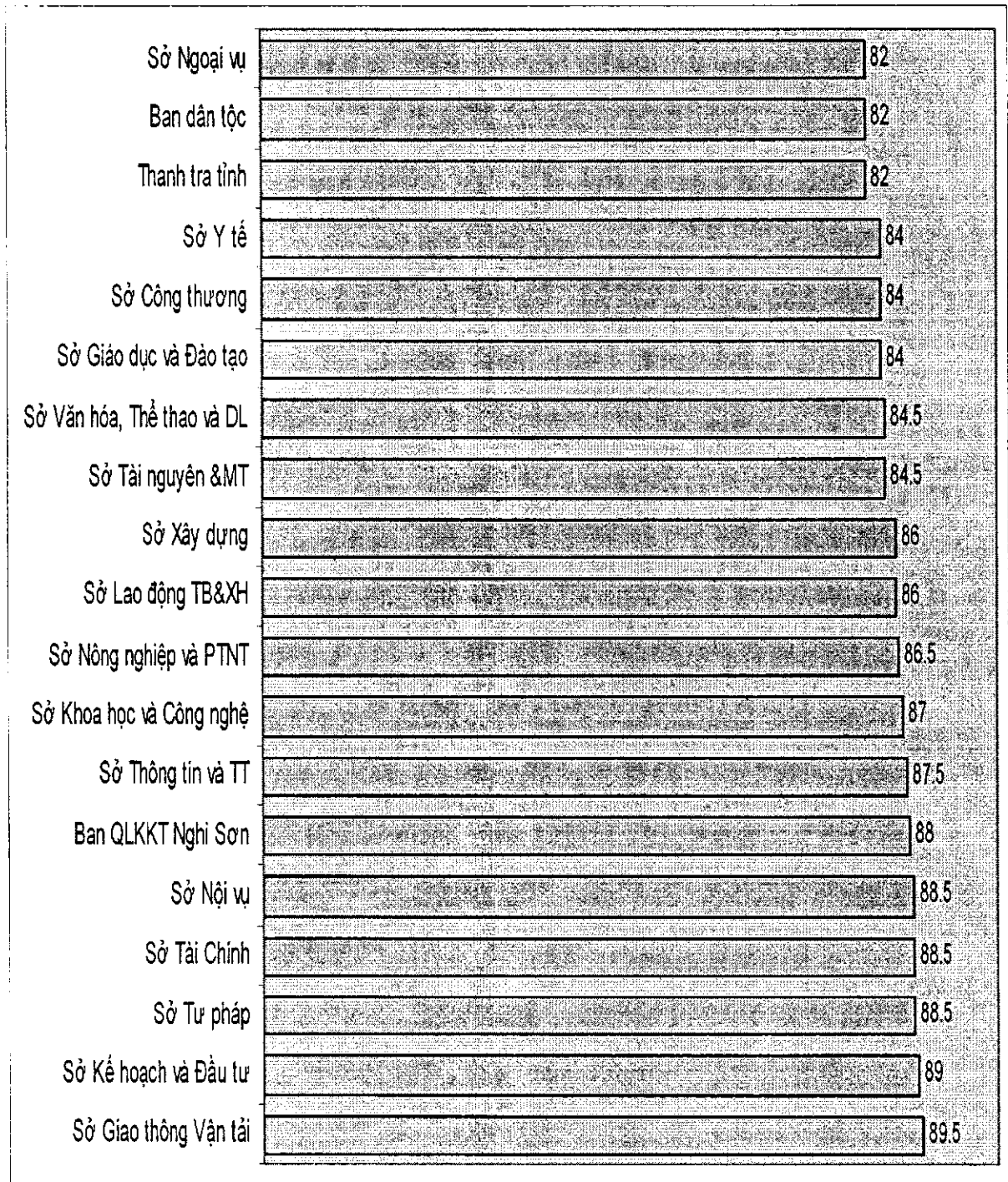
Thực hiện Quyết định số 936/2015/QĐ-UBND ngày 19/3/2015 của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã ban hành các văn bản hướng dẫn các sở, ngành, các huyện việc tự đánh giá, chấm điểm kết quả CCHC tại Kế hoạch số 173/KH-SNV ngày 02/4/2015, Công văn số 422/SNV-CCHC và Công văn số 423/SNV-CCHC ngày 08/5/2015, trong đó quy định gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm năm 2014 của các đơn vị về Sở Nội vụ trước ngày 20/5/2015. Tuy nhiên hầu hết các đơn vị đều chậm trễ trong việc báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm. Phần lớn các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng là tương đối đầy đủ và hợp lệ. Tuy nhiên, vẫn còn một số báo cáo sơ sài, không rõ nội dung, tài liệu kiểm chứng chưa đầy đủ cho nên việc thẩm định, đánh giá lại của Sở Nội vụ gặp nhiều khó khăn. Sở Nội vụ đã tổng hợp, rà soát lại kết quả chấm điểm để bảo đảm tính chính xác theo đúng các văn bản hướng dẫn. Đối với điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần các sở, ngành, các huyện tự chấm có đầy đủ căn cứ, đúng theo quy định thì thống nhất với kết quả tự chấm đó. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần chấm không chính xác, thiếu căn cứ thì đề xuất điểm cụ thể; đồng thời tham vấn ý kiến của Tổ Thẩm định để xác định kết quả chỉ số CCHC của từng đơn vị. Sau khi tham vấn ý kiến của Tổ Thẩm định, Giám đốc Sở Nội vụ xem xét, phê duyệt kết quả điểm đánh giá để xác định Chỉ số CCHC của 19 sở, ngành, 27 huyện, thị xã, thành phố.

2. Xây dựng báo cáo kết quả xác định Chỉ số CCHC

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ban, ngành, các huyện đã được Sở Nội vụ xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh, Sở Nội vụ xây dựng báo cáo chi tiết tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2014. Báo cáo đã tập trung phân tích kết quả Chỉ số tổng hợp và các chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực, tiêu chí của Chỉ số CCHC đối với từng sở, ngành, từng huyện, các kết quả này được biểu diễn cả bằng biểu đồ để thuận tiện cho việc so sánh, đánh giá. Báo cáo cũng phân tích sự biến động của các chỉ số thành phần để thấy được những điểm mạnh, yếu của từng sở, ngành, huyện trong việc triển khai CCHC trên từng lĩnh vực, tiêu chí. Các thông tin của báo cáo Chỉ số CCHC năm 2014 có ý nghĩa quan trọng, giúp các sở, ngành, các huyện có căn cứ nhận biết và điều chỉnh việc triển khai công tác CCHC của mình đối với từng lĩnh vực để đạt kết quả cao hơn vào những năm sau; đồng thời, đây cũng là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, tìm hiểu về CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

II. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ, NGÀNH

1. Chỉ số Tổng hợp



Hình 1: Chỉ số cải cách hành chính 2014 của các sở, ban, ngành

BẢNG TỔNG HỢP
Chỉ số cải cách hành chính thành phần của các sở, ngành năm 2014

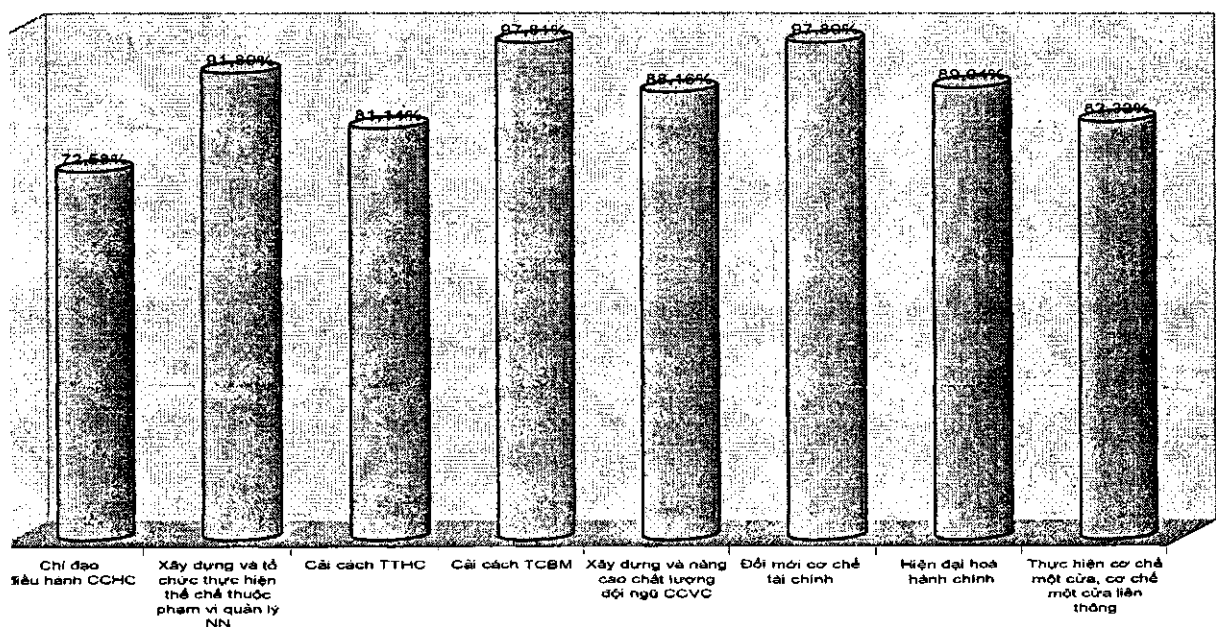
STT	Đơn vị	Chỉ đạo điều hành CCHC (19)		Thể chế (12)		Cải cách TTHC (12)		Tổ chức BM (12)		Xây dựng nâng cao chất lượng CBCC (14)		Tài chính công (5)		Hiện đại hóa (12)		Một cửa một cửa LT (14)		Chỉ số CCHC
		TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	TC	TĐ	
1	Sở Giao thông Vận tải	18	16	9	9.5	12	12	12	12	12	12	5	5	11	11	12	12	89.5
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	17	15	12	12	12	12	12	12	12	11	5	5	12	11	13	11	89
3	Sở Tư pháp	19	14	12	12	12	12	11.5	11	11	12.5	4.5	4	12	10	13	13	88.5
4	Sở Tài Chính	18	16.5	12	12	12	8	12	12	12	12	4	5	11	11	14	12	88.5
5	Sở Nội vụ	18	15	12	11.5	11	9	12	12	13	13	5	5	11	11	13	12	88.5
6	Ban QLKKT Nghi Sơn	19	16	4	12	12	10	12	10	13	13	5	5	12	10	12	12	88
7	Sở Thông tin và TT	19	17	11	11	12	9	12	11.5	13	13	5	5	11	11	12	10	87.5
8	Sở Khoa học và Công nghệ	19	15.5	12	10	12	9	12	12	14	13	5	5	10	10	13.5	12.5	87
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	17.5	14.5	10	10	12	10	12	12	14	13	5	5	11	10	13	12	86.5
10	Sở Lao động TB&XH	17	13.5	12	12	12	10	12	11.5	13	13	4	4	11	11	13	11	86
11	Sở Xây dựng	18	13	12	11	12	9	12	12	14	13	5	5	12	11	14	12	86
12	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	17	12.5	12	12	10	10	12	12	13.5	11	5	5	11	11	14	11	84.5
13	Sở Tài nguyên & MT	18	13	12	11	12	11	12	11	12.5	11.5	5	5	11	11	12	11	84.5
14	Sở Công thương	17	12.5	12	10.5	12	10	12	12	13	11	5	5	12	11	14	12	84

15	Sở Y tế	13.5	12	11	11	9	9	11.5	11.5	12.5	12.5	5	5	11	11	12	12	84
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	17.5	14	12	10	12	10	12	12	13	13	5	5	9	9	12	11	84
17	Thanh tra tỉnh	18	9	9	12	11	10	9	12	14	13	3	5	12	11	10	10	82
18	Ban dân tộc	18	11	12	12	12	8	12	12	14	11	5	5	11	11	14	12	82
19	Sở Ngoại vụ	7	9	12	12	11	8	12	12	13	13	5	5	11	11	12	12	82
Trung bình		17.13	13.63	11.05	11.24	11.58	9.79	11.79	11.71	12.97	12.34	4.76	4.89	11.16	10.68	12.76	11.61	85.89

Kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2014 của các sở, ngành; đã cho thấy công tác triển khai và tổ chức thực hiện CCHC của từng sở, ngành, Giá trị trung bình của 19 sở, ngành là 85,89. Theo đó, Sở Giao thông Vận tải xếp vị trí đầu với chỉ số đạt 89.5% so với điểm tối đa (100), Sở Kế hoạch Đầu tư xếp thứ hai với 89%. Chỉ số của các sở, ngành điểm không chênh lệch nhau nhiều và đều ở vị trí Chỉ số CCHC tốt đạt trên 80%.

Trong 8 Lĩnh vực được đánh giá theo Chỉ số CCHC năm 2014 cho thấy những kết quả đạt được của từng sở, ngành đã phản ánh rõ nét quá trình tổ chức và triển khai thực hiện CCHC theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ và Kế hoạch CCHC giai đoạn 2011-2015 của UBND tỉnh. Đa số những sở, ngành đạt chỉ số cao là những đơn vị coi trọng công tác chỉ đạo, điều hành, nghiêm túc xây dựng kế hoạch CCHC và có sự kiểm tra, báo cáo thống kê đầy đủ, có chất lượng về các nội dung CCHC. Các sở, ngành đạt chỉ số thấp trong lĩnh vực chỉ đạo điều hành đều dẫn đến chỉ số tổng hợp thấp. Giá trị trung bình ở các chỉ số thành phần về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Đổi mới cơ chế tài chính đạt kết quả cao trong khi chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính, chỉ đạo điều hành có chỉ số bình quân thấp, chỉ đạt ở mức dưới 85%...

Một số sở, ngành đạt 100% điểm số tại các Chỉ số thành phần: Tổ chức Bộ máy, tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước, Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập như: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp nhưng những chỉ số khác như: thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông vẫn chưa cao, gồm các sở: Ngoại vụ, Xây dựng và Thanh tra tỉnh cần chú trọng và có sự quan tâm hơn nữa.



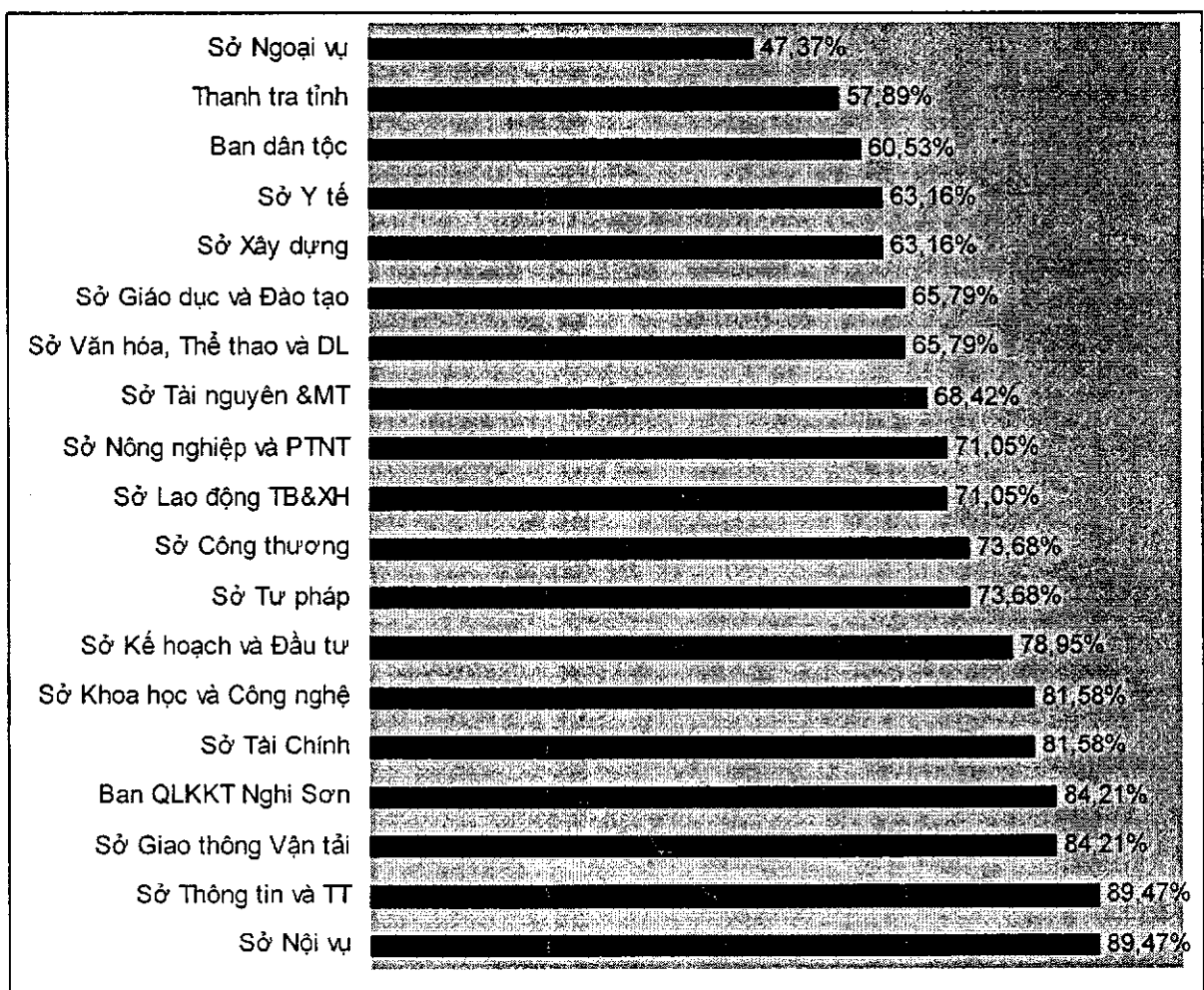
Hình 2: Giá trị trung bình tại các chỉ số thành phần

2. Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực

2.1. Chỉ số chỉ đạo, điều hành CCHC

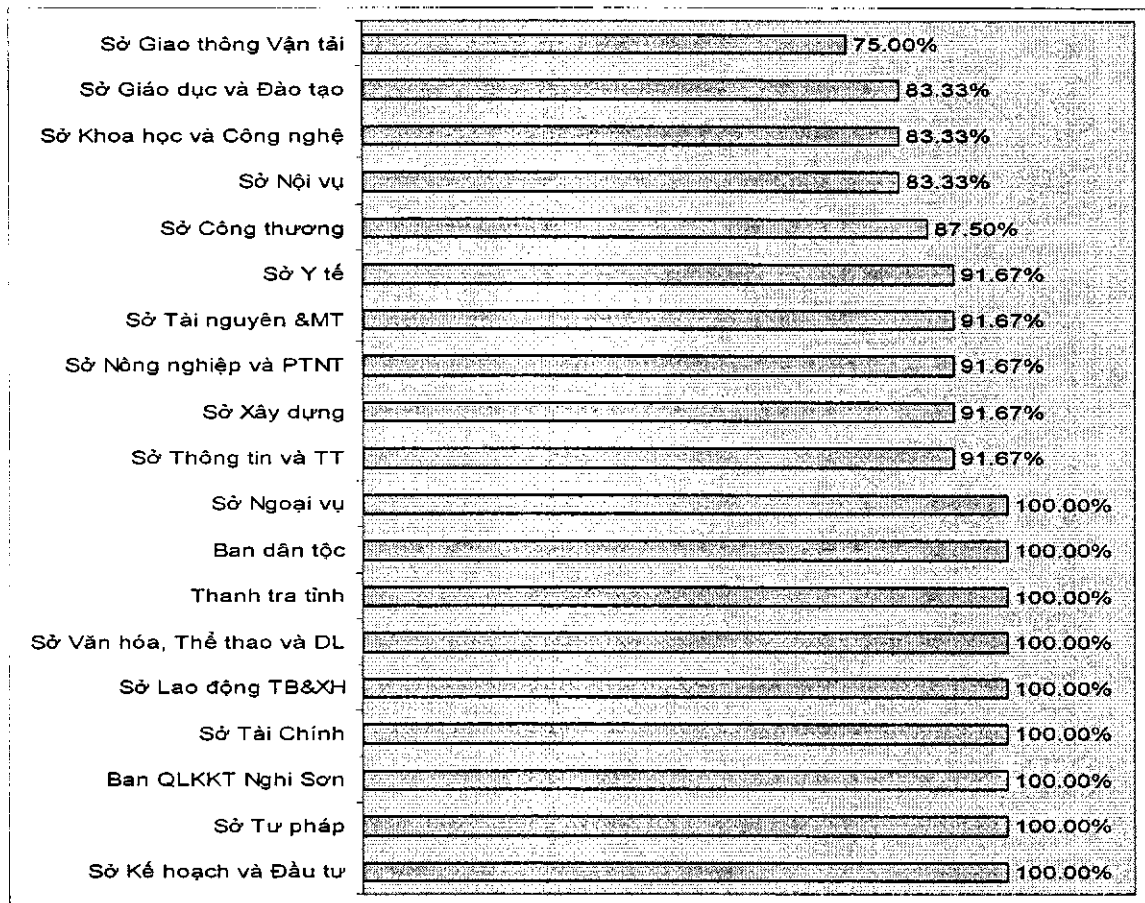
Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện các mục tiêu CCHC. Năm 2014, Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục có những chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy mạnh thực hiện CCHC, trên cơ sở đó các sở, ngành đã cụ thể hóa và tổ chức thực hiện phù hợp tại cơ quan, đơn vị. Một số nét nổi bật như Sở Thông tin và Truyền thông đạt 17/19 (điểm tối đa), Sở Giao thông Vận tải 16/19. Các sở có chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cao nhất cũng là những đơn vị nhiều năm qua có sự quan tâm và chủ động đối với việc triển khai CCHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điều này được thể hiện qua việc các sở, ngành đã có kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra CCHC và các báo cáo CCHC đầy đủ, đúng hạn, chất lượng tốt cũng như bố trí nguồn lực cho CCHC đảm bảo.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều sở, ngành chưa coi trọng và ít có sự quan tâm tới công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, chưa chú trọng trong việc ban hành kế hoạch cũng như tuyên truyền, kiểm tra, sự năng động trong CCHC; đặc biệt ở các tiêu chí thành phần ban hành các kế hoạch, báo cáo CCHC.



Hình 3: Điểm số đạt được tiêu chí chỉ số Chỉ đạo, điều hành CCHC

2.2. Chỉ số tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành



Hình 4. Điểm chỉ số thành phần tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành

Cải cách thể chế là một nội dung quan trọng và được tổ chức thực hiện từ những năm đầu triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2001-2010, Các tiêu chí của chỉ số thành phần không nằm ngoài những quy định của Chính phủ và trên cơ sở thực tiễn quản lý nhà nước của sở, ngành. Việc không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch chậm có tác động nhất định đến mức độ và kết quả triển khai các mục tiêu và chương trình cũng như phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành. Đảm bảo chất lượng và tỷ lệ thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật thông qua đó có những đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền để có những biện pháp xử lý kịp thời, nâng cao tính khả thi và hiệu quả của cơ chế chính sách, điều này có tác động tích cực đến cải cách hành chính chung của các sở, ngành.

Điều dễ nhận thấy là khoảng cách giữa điểm tự đánh giá và điểm thẩm định là tương đối lớn, các sở, ngành cần có những giải pháp cụ thể và thích hợp đẩy mạnh cải cách thể chế; đồng thời nâng cao hơn nữa tính hiệu quả, khả thi và kịp thời của cơ chế, chính sách tại sở, ngành nhằm cải thiện chất lượng chỉ số thành phần này.

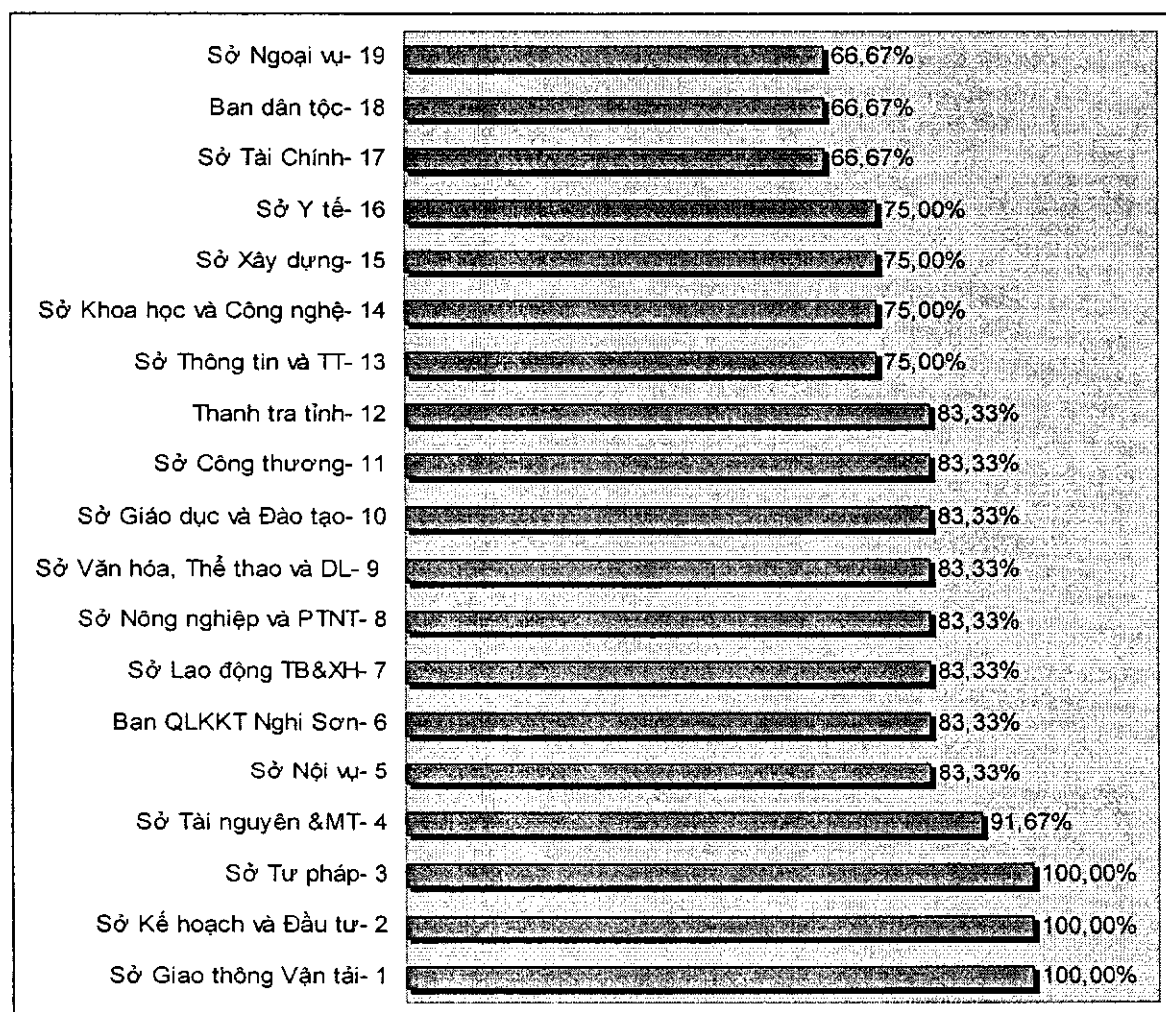
Các sở đạt điểm số cao tại chỉ số thành phần này là những sở, ngành sớm

ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật do sở, ngành và địa phương ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của sở, ngành. Ban hành kế hoạch đúng thời gian, đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực qua đó giúp các sở, ngành đạt chỉ số cao tại lĩnh vực thể chế này.

2.3. Chỉ số cải cách thủ tục hành chính

Cải cách thủ tục hành chính trong những năm gần đây luôn là chủ đề được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng như UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Tại nhiều cơ quan, đơn vị, cải cách thủ tục hành chính nhiều khi được coi là giải pháp đột phá trong mỗi quan hệ giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước đối với tổ chức, cá nhân, góp phần nâng cao hình ảnh của cơ quan hành chính nhà nước và đẩy mạnh CCHC nói chung.

Cải cách thủ tục hành chính tại các sở, ngành có những đặc thù riêng, khác biệt so với cải cách thủ tục hành chính ở địa phương. Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính được xây dựng và đánh giá theo các nội dung rà soát, đánh giá, cập nhật và công khai thủ tục hành chính. Chỉ số cụ thể của nội dung này tại từng sở, ngành lại có những điểm khác biệt.

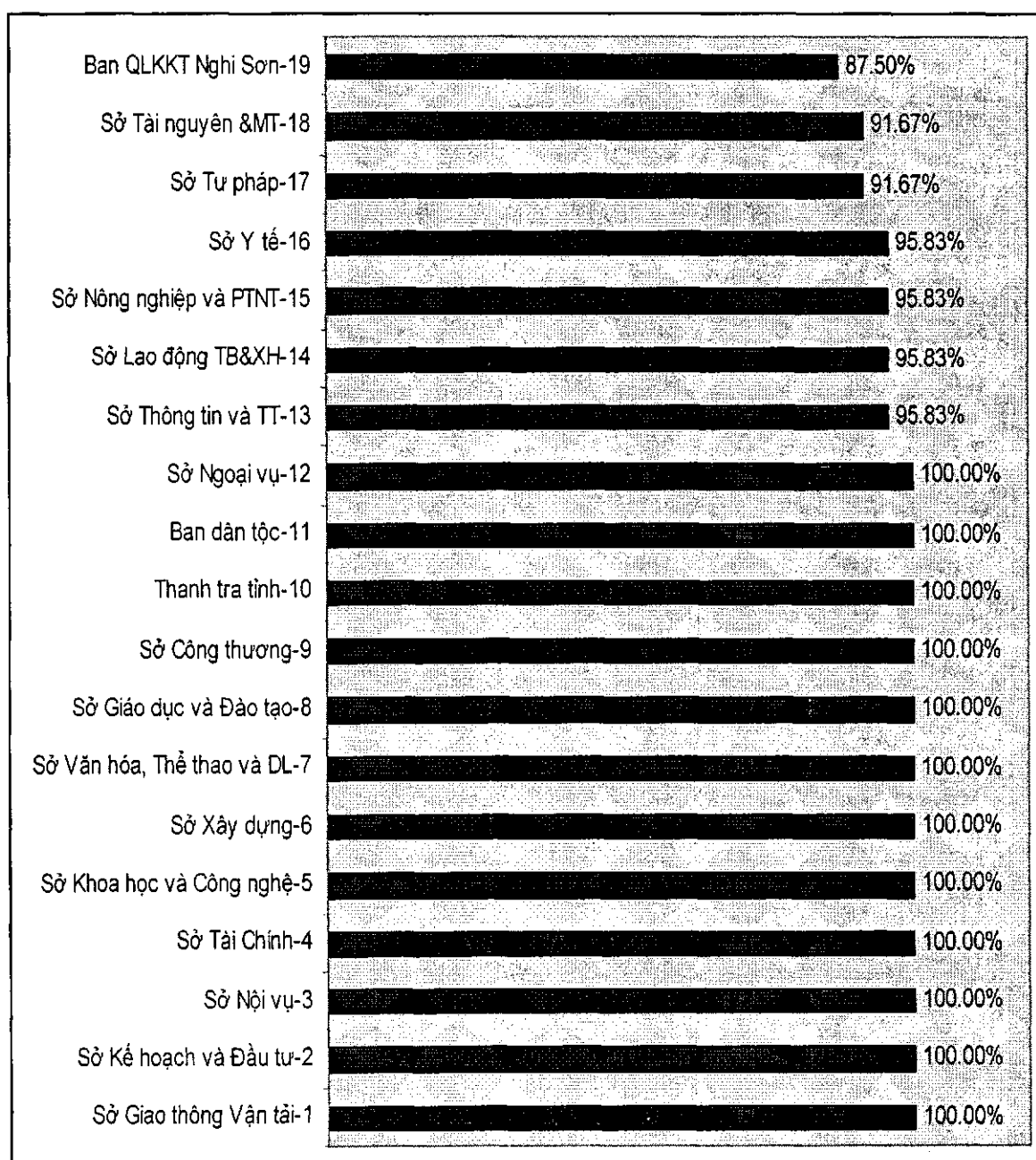


Hình 5. Điểm chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính

2.4. Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Lĩnh vực cải cách này hướng tới xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Tỷ lệ điểm số đạt được của các Sở, ngành cho thấy sự nghiêm túc trong tuân thủ triển khai các quy định của Chính phủ và của tỉnh về tổ chức bộ máy; công tác kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động, phân cấp quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở. Có 19/19 Sở, ngành đạt tỷ lệ hơn 95% điểm chỉ số, tuân thủ đúng các quy định của Chính phủ, UBND tỉnh về tổ chức bộ máy.

Tuy nhiên cũng giống Chỉ số tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước chúng ta cũng cần xem xét, cải tiến để đánh giá tốt hơn.

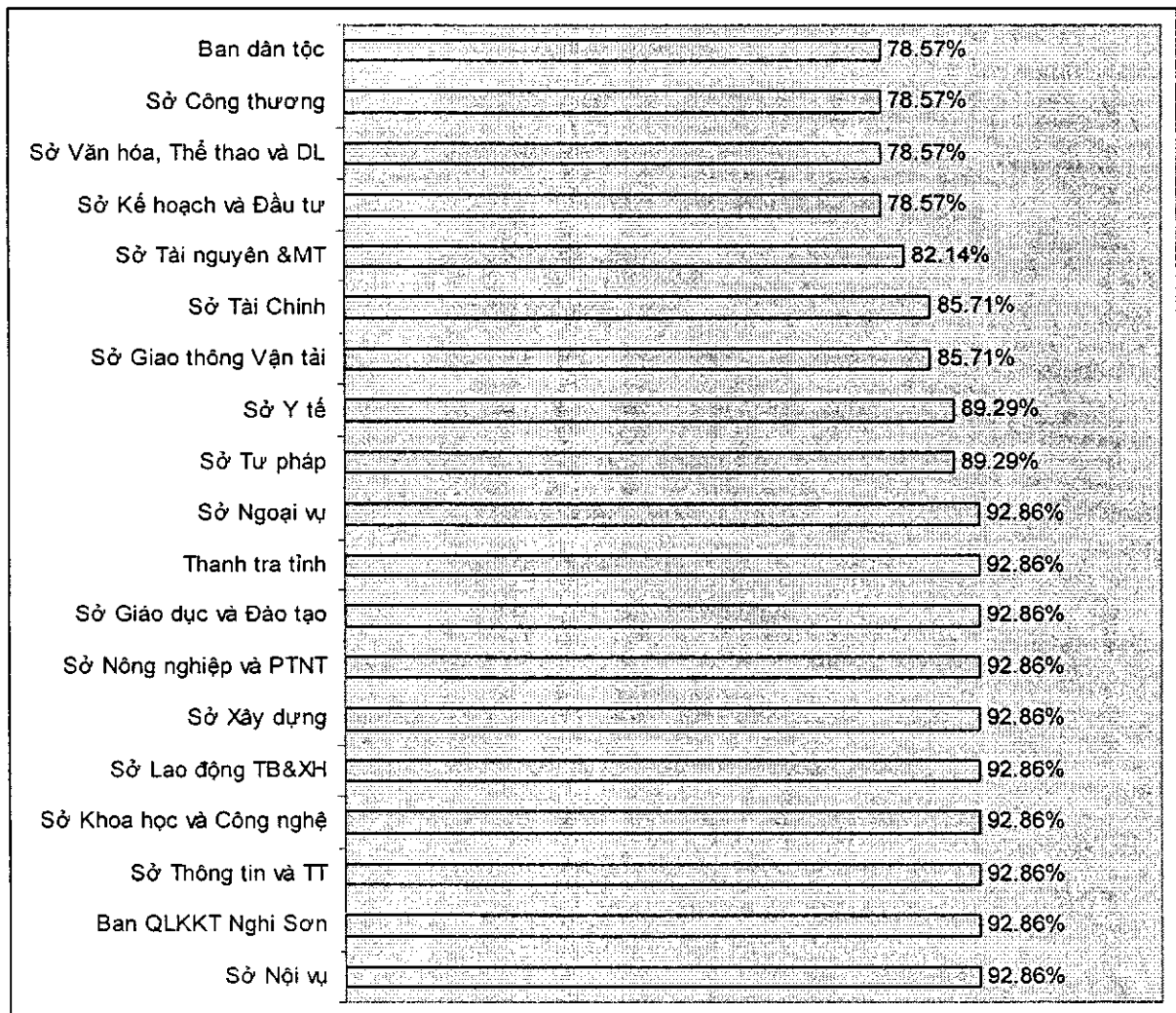


Hình 6. Điểm chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

2.5. Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC là một trong 3 Chỉ số các sở, ngành không đạt được điểm tối đa; giá trị trung bình chỉ số này là 88,16%. Công tác đào tạo, bồi dưỡng CCVC đã và đang được các Sở, ngành quan tâm nên kết quả đạt được khá đồng đều.

Sự quan tâm, đầu tư và có chính sách cụ thể đối với lĩnh vực này của các sở, ngành đã góp phần đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút người có tài năng vào làm việc trong cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý; vai trò của Sở Nội vụ trong việc giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý và hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung xây dựng và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức.



Hình 7. Điểm chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

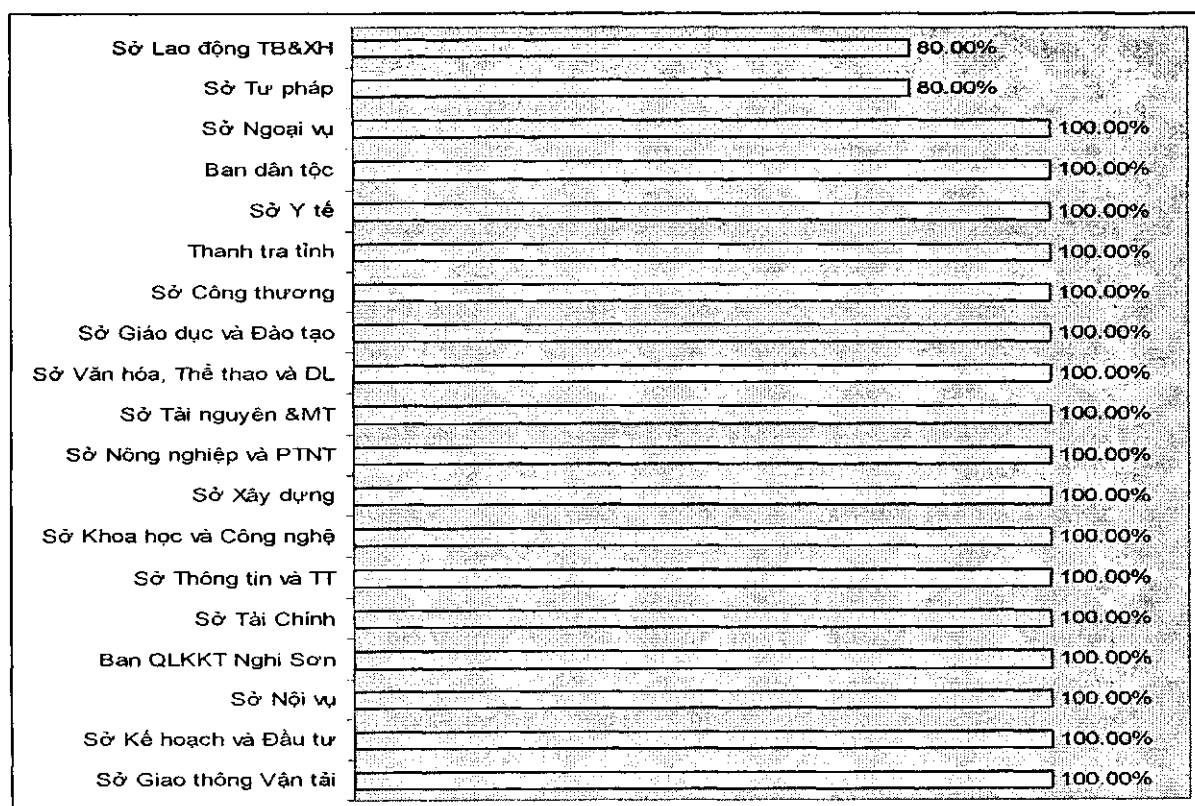
2.6. Chỉ số đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Khoản biên chế và kinh phí hành chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP cũng như thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và cơ chế tự chủ,

tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP là một bước tiến lớn trong CCHC. Việc áp dụng những cơ chế này đã góp phần quan trọng nhằm nâng cao tinh chủ động, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

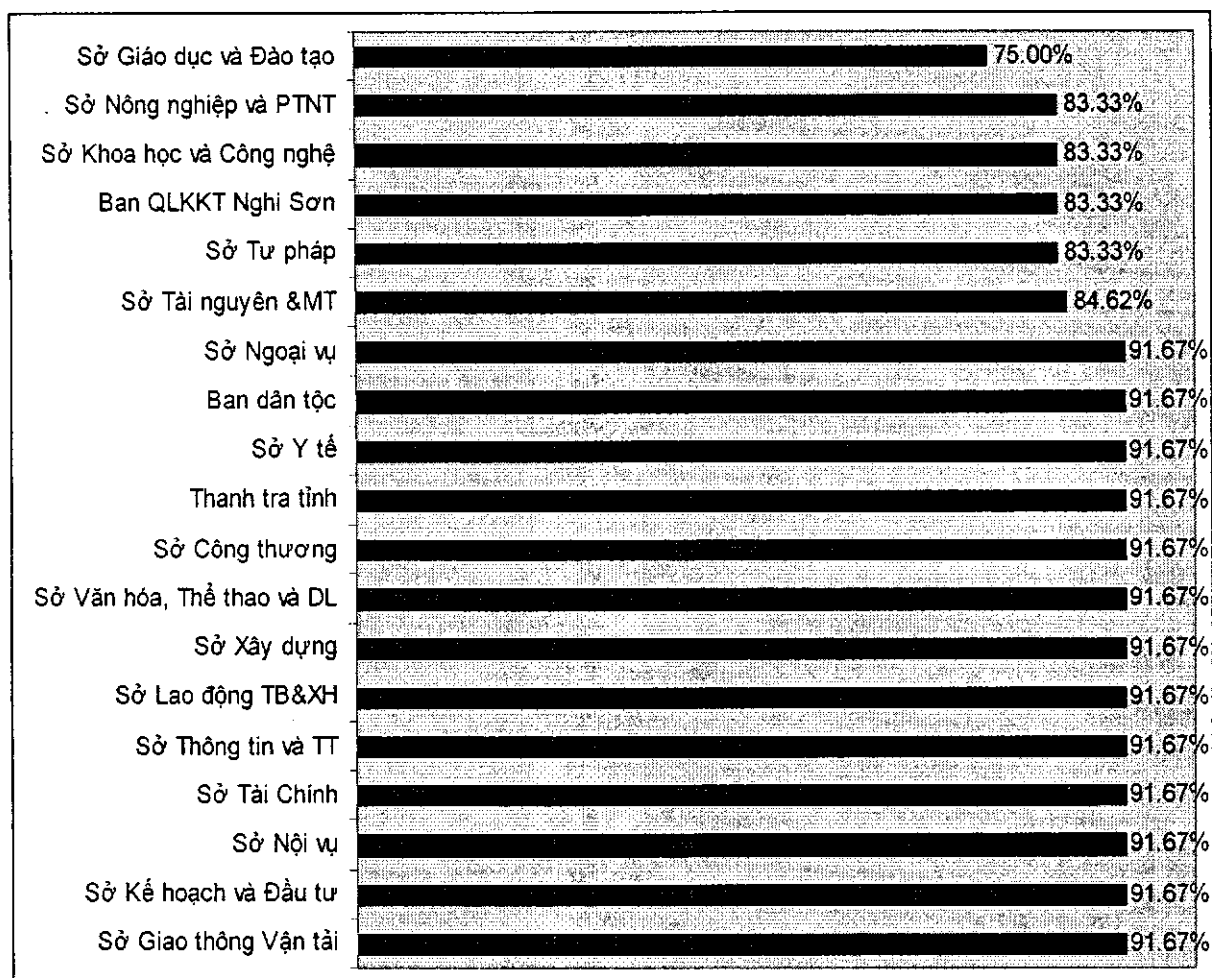
Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể dục Thể thao, sự nghiệp kinh tế...được giao quyền tự chủ tài chính đã chủ động sử dụng nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ có kết quả; đồng thời chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ công (khám chữa bệnh, đào tạo...), phát triển nguồn thu. Đơn vị sự nghiệp được tự chủ trong việc huy động các nguồn vốn để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, phát triển hoạt động sự nghiệp; thông qua các hình thức vay vốn các tổ chức tín dụng, vay vốn kích cầu, huy động vốn của viên chức trong đơn vị, liên kết lắp đặt thiết bị cùng khai thác.

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính 2014 của các sở, ngành cho thấy 17/19 sở đạt tỷ lệ 100% thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính. Tuy vậy, trong những năm tiếp theo đánh giá Chỉ số CCHC cần khai thác hơn nữa về kết quả đạt được trong thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.



Hình 8. Điểm chỉ số thành phần đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

2.7. Chỉ số hiện đại hoá hành chính



Hình 9. Điểm chỉ số thành phần hiện đại hóa

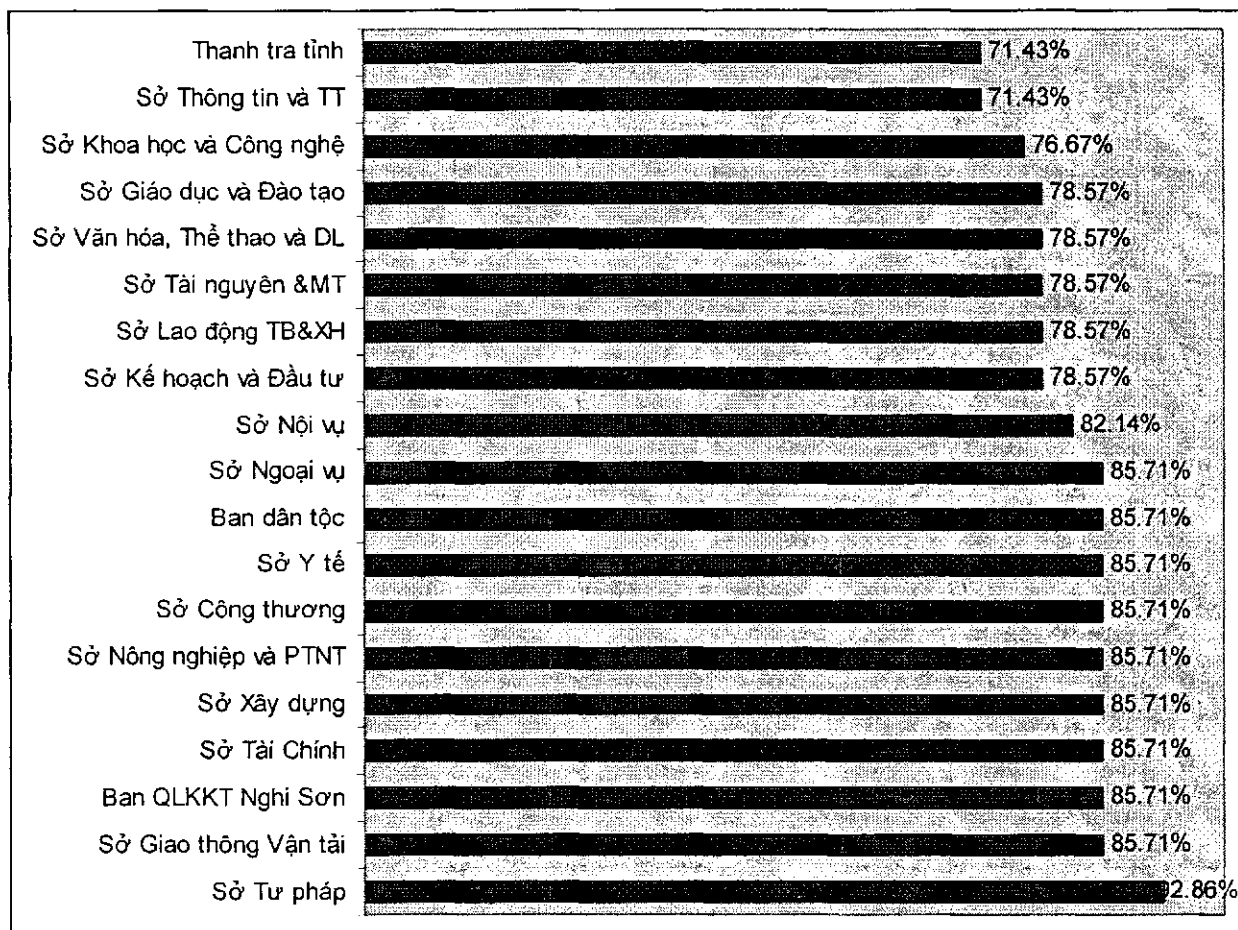
Chỉ số thành phần Hiện đại hóa hành chính bao gồm 2 tiêu chí thuộc về lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin và 1 tiêu chí về áp dụng quy trình ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, các sở, ngành đã tiến hành xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2011-2015 và theo từng năm để phù hợp với những điều kiện đặc thù và mục tiêu phát triển cụ thể của từng đơn vị.

Qua điểm số đạt được của các sở, ngành tại tiêu chí thành phần này cho thấy mức độ cung cấp dịch vụ công của các cơ quan hành chính nhà nước chủ yếu là dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 1 và 2. Việc thực hiện tốt ISO tại các sở, ngành với việc ban hành danh mục quy trình áp dụng tiêu chuẩn, tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc sở thực hiện cùng với tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng quy định cũng góp phần tăng điểm số tại Chỉ số thành phần hiện đại hóa hành chính.

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần này đạt 89,04% tuy nhiên không có đơn vị nào đạt điểm tối đa.

2.8. Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông



Hình 10. Điểm chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Chỉ số thành phần thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông được đánh giá tại 3 tiêu chí: Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; sự tác động qua lại giữa các tiêu chí này cũng như những kết quả tích cực của thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông với chất lượng CCHC đã luôn là trọng tâm trong nghiên cứu, đánh giá và áp dụng để thực hiện của các sở, ngành.

Đây cũng là một trong những nhân tố thể hiện mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức, công dân trong quá trình chuyên nghiệp hoá nền hành chính, hướng tới một nền hành chính phục vụ.

Tuy nhiên, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông không phải lúc nào cũng đạt được kết quả cao, đồng đều giữa các sở, ngành. giá trị trung bình của Chỉ số thành phần này 82,23%, là một trong ba Chỉ số thành phần không có đơn vị nào đạt điểm tối đa.

III. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Chỉ số tổng hợp

Qua phân tích kết quả Chỉ số CCHC năm 2014 và chỉ số tổng hợp tại các Chỉ số thành phần đạt được của các huyện cho thấy giá trị trung bình Chỉ số

CCHC của các huyện đạt được là 79,56%; có 3 Chỉ số tương ứng với kết quả xếp loại bao gồm:

- Nhóm các huyện đạt kết quả Tốt bao gồm 17/27 huyện đạt Chỉ số trên 80%, chiếm 62,96% số huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, trong đó thành phố Thanh Hóa đứng đầu đạt kết quả 89%; đồng thời, đây là nhóm những huyện đạt chỉ số cao tại nhiều chỉ số thành phần, có sự tương đồng về kết quả CCHC trong triển khai, chỉ đạo điều hành cũng như công tác tổ chức thực hiện các nội dung CCHC.

- Nhóm các huyện đạt kết quả Khá bao gồm các huyện đạt chỉ số từ trên 70% đến dưới 80%, nhóm này bao gồm 9 huyện trên tổng số 27 huyện, thị xã, thành phố, chiếm tỷ lệ 33,33%.

- Huyện Mường Lát đạt giá trị trung bình với chỉ số 68.50%.

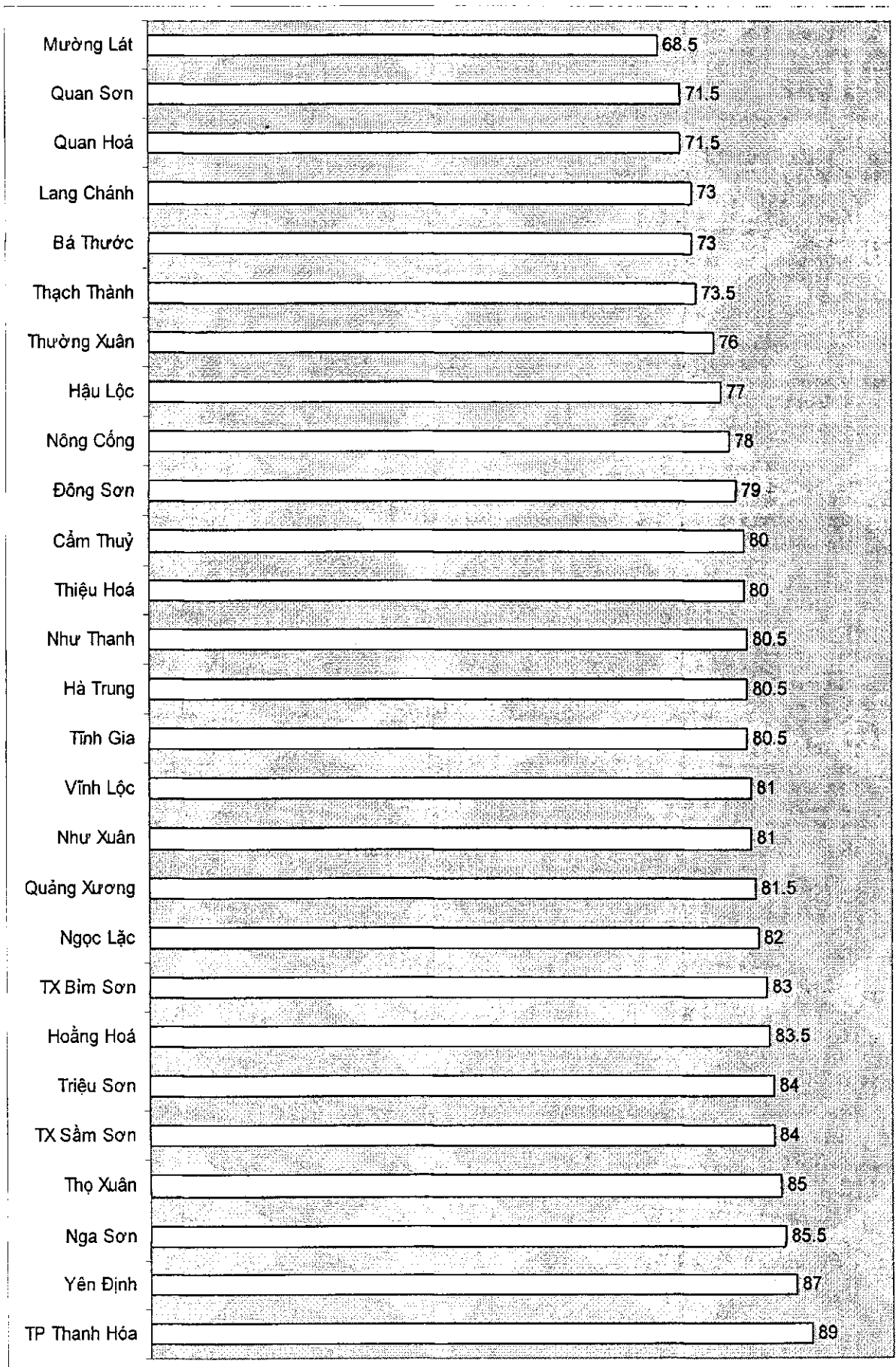
Kết quả tự đánh giá, chấm điểm về cơ bản thể hiện được sự chênh lệch về điểm số giữa các vùng miền, đa số các huyện miền núi đều có chỉ số CCHC khá thấp. Hầu hết các huyện được đánh giá qua theo dõi, chấm điểm có kết quả cao cũng là những huyện đạt được Chỉ số CCHC cao.

Việc tự đánh giá, chấm điểm để khẳng định lại công tác triển khai CCHC của huyện đang ở mức nào so với những yêu cầu mà Chương trình tổng thể CCHC đã đặt ra cũng như những đòi hỏi của nền hành chính địa phương với việc cải thiện chất lượng dịch vụ công, hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao phẩm chất đạo đức công vụ và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

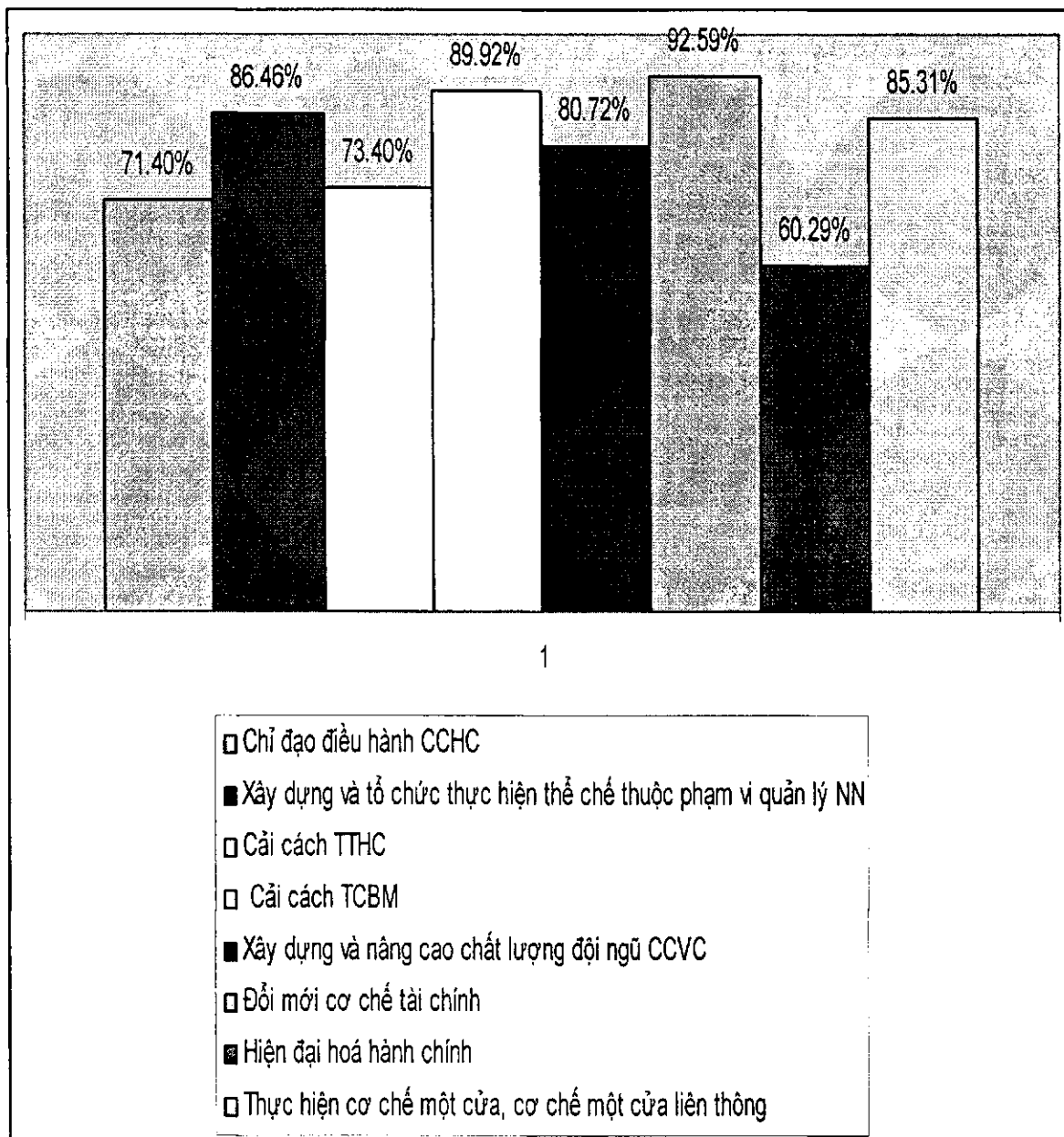
BẢNG TỔNG HỢP
Chỉ số CCHC thành phần của các huyện năm 2014

STT	Đơn vị	Chỉ đạo điều hành CCHC (18)		Thể chế (16)		Cải cách TTHC (11)		Tổ chức BM (9)		Xây dựng nâng cao chất lượng CBCC (17)		Tài chính công (5)		Hiện đại hóa (9)		Một cửa một cửa LT (15)		Chỉ số CCHC
		TC	TD	TC	TD	TC	TD	TC	TD	TC	TD	TC	TD	TC	TD	TC	TD	
1	TP Thanh Hóa	16.50	14.50	16.00	15.00	11.00	11.00	8.50	8.50	17.00	15.50	5.00	5.00	8.00	5.50	14.00	14.00	89.00
2	Yên Định	18.00	13.50	16.00	15.00	11.00	10.00	9.00	8.50	14.00	13.50	5.00	5.00	9.00	7.00	14.50	14.50	87.00
3	Nga Sơn	18.00	15.50	16.00	14.00	11.00	8.00	8.50	8.00	16.50	15.50	5.00	5.00	9.00	6.00	15.00	13.50	85.50
4	Thọ Xuân	17.00	17.00	16.00	14.50	11.00	9.00	8.50	8.50	14.00	13.00	3.50	3.50	4.50	4.50	15.00	15.00	85.00
5	TX Sầm Sơn	16.00	12.50	16.00	14.00	11.00	9.00	9.00	7.50	17.00	15.00	5.00	5.00	6.00	6.00	15.00	15.00	84.00
6	Triệu Sơn	16.50	15.50	15.50	14.00	11.00	9.50	8.50	7.50	17.00	14.50	5.00	5.00	5.50	3.50	14.50	14.50	84.00
7	Hoàng Hoá	15.00	14.00	16.00	13.50	10.50	8.00	9.00	8.50	16.00	13.50	5.00	5.00	8.00	6.00	15.00	15.00	83.50
8	TX Bim Sơn	16.00	12.50	15.00	15.00	11.00	10.00	8.00	6.50	14.00	12.50	5.00	5.00	9.00	7.50	14.00	14.00	83.00
9	Ngọc Lặc	16.00	16.00	14.00	14.50	9.00	9.00	8.00	8.00	16.50	15.50	3.00	3.00	4.00	4.00	12.00	12.00	82.00
10	Quảng Xương	17.00	14.00	16.00	15.00	11.00	8.00	9.00	8.00	17.00	13.50	4.00	4.00	8.00	5.00	14.00	14.00	81.50
11	Như Xuân	14.00	13.00	15.00	14.00	9.50	9.00	7.00	7.00	16.00	15.00	5.00	5.00	6.00	5.50	12.50	12.50	81.00
12	Vĩnh Lộc	17.00	16.00	10.00	10.50	7.00	7.00	6.00	6.00	17.00	16.00	5.00	5.00	7.00	5.50	14.00	15.00	81.00

13	Hà Trung	17.00	13.00	16.00	15.00	11.00	7.00	9.00	8.00	15.00	14.50	5.00	5.00	7.50	5.50	12.50	12.50	80.50
14	Như Thanh	17.00	13.50	16.00	15.00	11.00	9.50	8.50	8.50	14.50	12.00	5.00	5.00	6.00	6.00	13.50	11.00	80.50
15	Tĩnh Gia	16.00	13.00	16.00	14.00	10.00	7.00	9.00	9.00	16.00	14.00	5.00	5.00	7.50	4.50	14.00	14.00	80.50
16	Thiệu Hoá	15.00	11.50	12.00	12.00	10.00	9.00	9.00	9.00	15.00	15.00	4.00	4.00	7.00	7.00	11.50	12.50	80.00
17	Cẩm Thủy	16.00	13.50	16.00	13.50	11.00	8.00	9.00	8.00	16.00	14.00	5.00	5.00	8.00	5.50	12.50	12.50	80.00
18	Đông Sơn	18.00	11.50	16.00	14.00	11.00	7.00	9.00	8.50	16.00	14.50	4.00	4.00	6.50	7.00	12.50	12.50	79.00
19	Nông Công	17.00	11.50	16.00	14.50	11.00	8.00	8.50	8.50	14.00	12.50	4.50	4.50	5.50	5.50	15.00	13.00	78.00
20	Hậu Lộc	17.00	12.50	16.00	13.00	11.00	7.50	9.00	8.50	15.00	14.50	5.00	5.00	7.50	5.50	12.50	10.50	77.00
21	Thường Xuân	18.00	13.00	16.00	12.50	10.00	7.00	9.00	9.00	15.00	13.00	5.00	5.00	7.00	5.00	12.50	11.50	76.00
22	Thạch Thành	16.00	13.00	16.00	13.00	11.00	7.00	8.50	8.50	14.00	10.50	3.50	3.50	5.00	5.00	15.00	13.00	73.50
23	Bá Thước	10.50	9.50	14.00	14.00	11.00	6.00	7.00	7.00	16.50	14.50	5.00	5.00	6.50	5.50	10.50	11.50	73.00
24	Lang Chánh	16.00	13.00	16.00	13.50	11.00	6.50	9.00	9.00	15.00	13.00	3.50	5.00	4.50	2.50	15.00	10.50	73.00
25	Quan Hoá	11.50	8.50	14.50	14.50	11.00	6.00	7.00	7.00	16.50	14.50	5.00	5.00	6.50	6.50	10.50	9.50	71.50
26	Quan Sơn	16.00	10.00	14.50	12.50	9.50	8.50	9.00	9.00	14.00	11.00	5.00	5.00	5.50	5.00	11.50	10.50	71.50
27	Mường Lát	17.00	10.00	16.00	13.50	11.00	7.00	8.50	8.50	14.00	10.00	3.50	3.50	4.50	4.50	15.00	11.50	68.50
	Trung bình	16.11	12.96	15.28	13.83	10.54	8.09	8.44	8.09	15.50	13.72	4.57	4.63	6.63	5.43	13.46	12.80	79.56



Hình 11. Chỉ số CCHC năm 2014 của các huyện



Hình 12. Giá trị trung bình tại các chỉ số thành phần

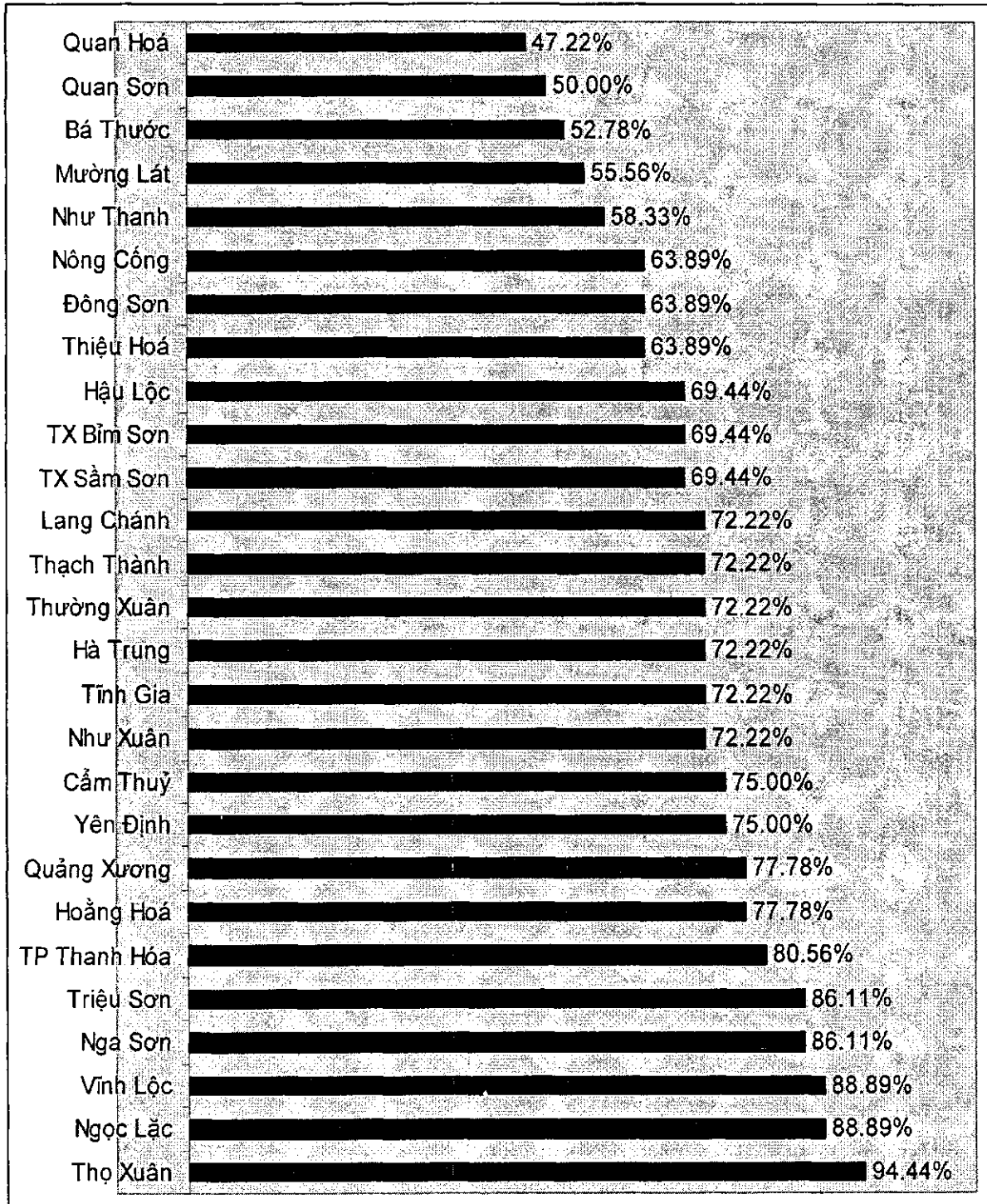
2. Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực

2.1. Chỉ số công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo huyện với CCHC thể hiện qua việc sớm ban hành kế hoạch năm, báo cáo quý, 6 tháng, kế hoạch và tổ chức kiểm tra, công tác tuyên truyền và sự năng động chỉ đạo, điều hành CCHC. Điều này đem lại những kết quả tích cực của CCHC tại nhóm các huyện có chỉ số cao tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC là thành phố Thanh Hóa, huyện Thọ Xuân, Nga Sơn, Ngọc Lặc. Ngược lại, những huyện có kết quả chỉ số thấp tại lĩnh vực này là những huyện không có hoặc ban hành kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch tuyên truyền CCHC muộn thời gian so với quy định.

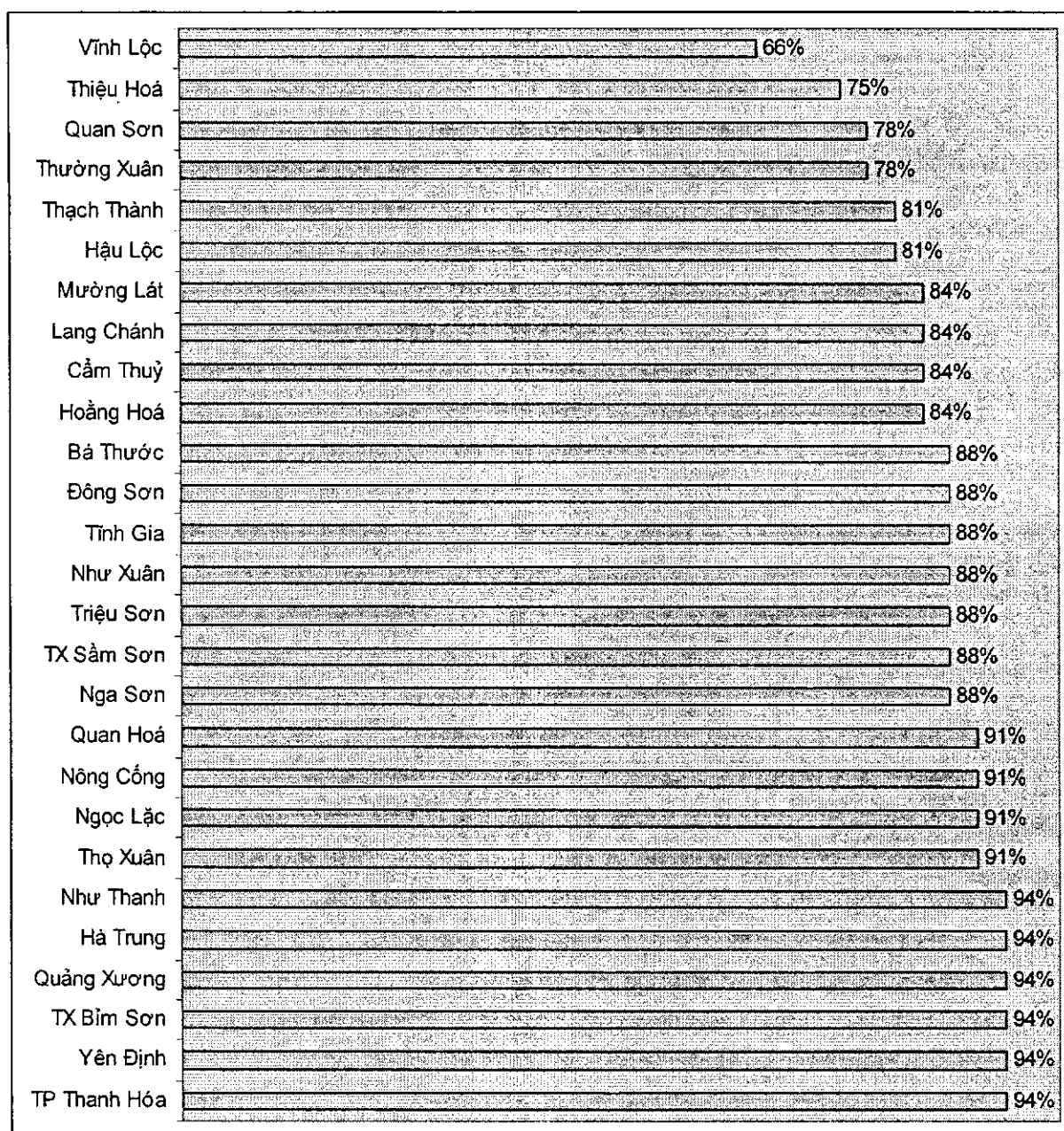
Kết quả điểm số đạt được của các huyện tại Chỉ số thành phần Chỉ đạo, điều hành CCHC cho thấy có sự phân định rõ giữa các nhóm điểm số. Tuy nhiên

khoảng cách điểm số trong cùng một nhóm không có sự chênh lệch lớn. Thọ Xuân là huyện đạt điểm cao nhất tại chỉ số này với 17 điểm; các huyện mất điểm tại nội dung này thường có nguyên nhân không xây kế hoạch CCHC năm 2014, không có kế hoạch kiểm tra và tuyên truyền CCHC, tiêu chí đánh giá sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC của địa phương, công tác báo cáo CCHC để có kết quả cao hơn tại Chỉ số thành phần Chỉ đạo, điều hành CCHC.



Hình 13. Điểm số của các huyện tại tiêu chí chỉ đạo, điều hành CCHC

2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại huyện



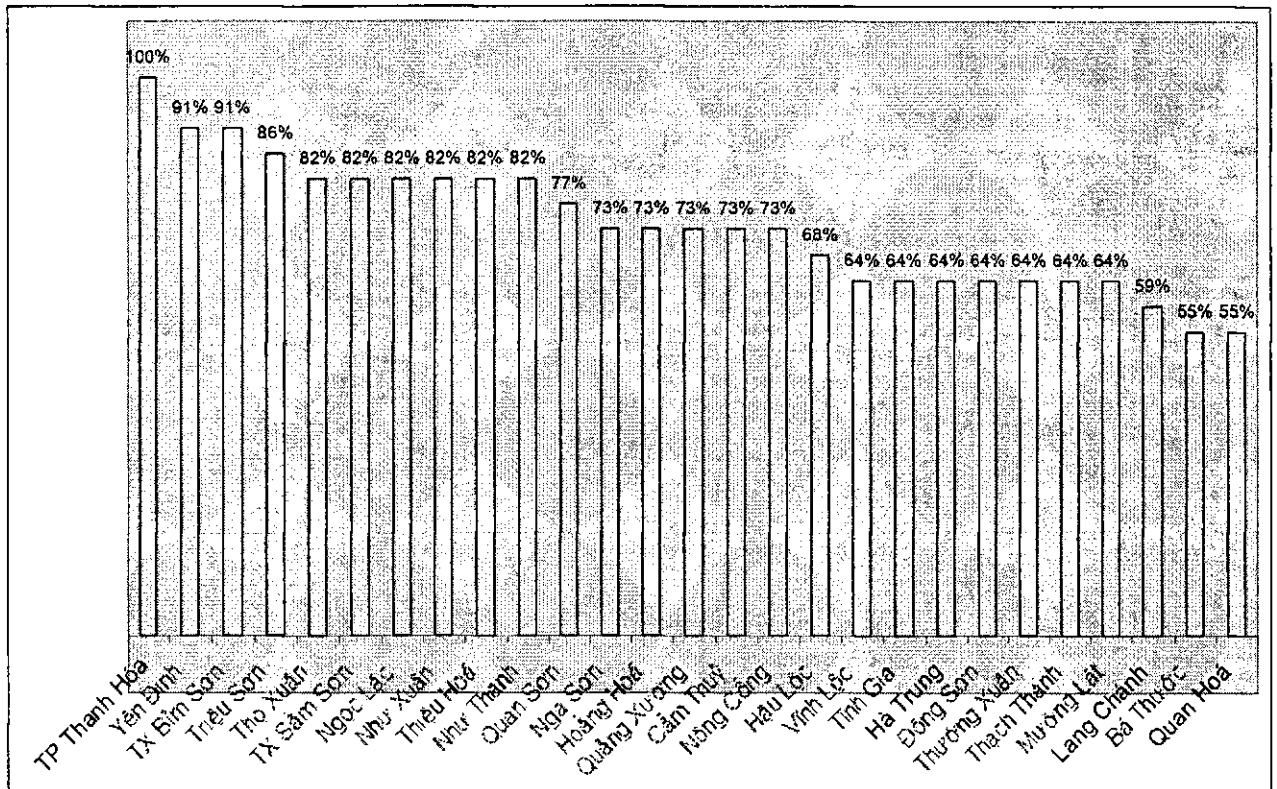
Hình 14. Điểm số Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại huyện

Kết quả Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cho thấy có 26 huyện đạt trên 75%, trong đó thành phố Thanh Hóa, thị xã Bìm Sơn, Hà Trung là những huyện xếp đầu cùng đạt được 15 điểm; Chỉ số trung bình của lĩnh vực này là 85,75%. Các huyện đạt chỉ số cao ở thành phần này nằm trong số những huyện thực hiện tốt việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.

Qua rà soát, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC năm 2014 đã cho thấy còn nhiều hạn chế, bất cập trong việc thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của huyện, trong công tác thẩm định, rà soát và xây dựng quy trình văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL trong năm

2014 ở các huyện vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Việc xử lý chậm trễ và nhiều trường hợp không đúng hình thức văn bản của các địa phương nếu không được chấn chỉnh kịp thời, sẽ tạo tiền lệ xấu, không đảm bảo trật tự kỷ cương trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; mặt khác, có thể gây hậu quả tiêu cực cho đời sống kinh tế-xã hội trong thời gian hiệu lực của các văn bản có nội dung trái pháp luật nhưng không được xử lý theo quy định của pháp luật.

2.3. Chỉ số cải cách thủ tục hành chính



Hình 15. Điểm số cải cách thủ tục hành chính

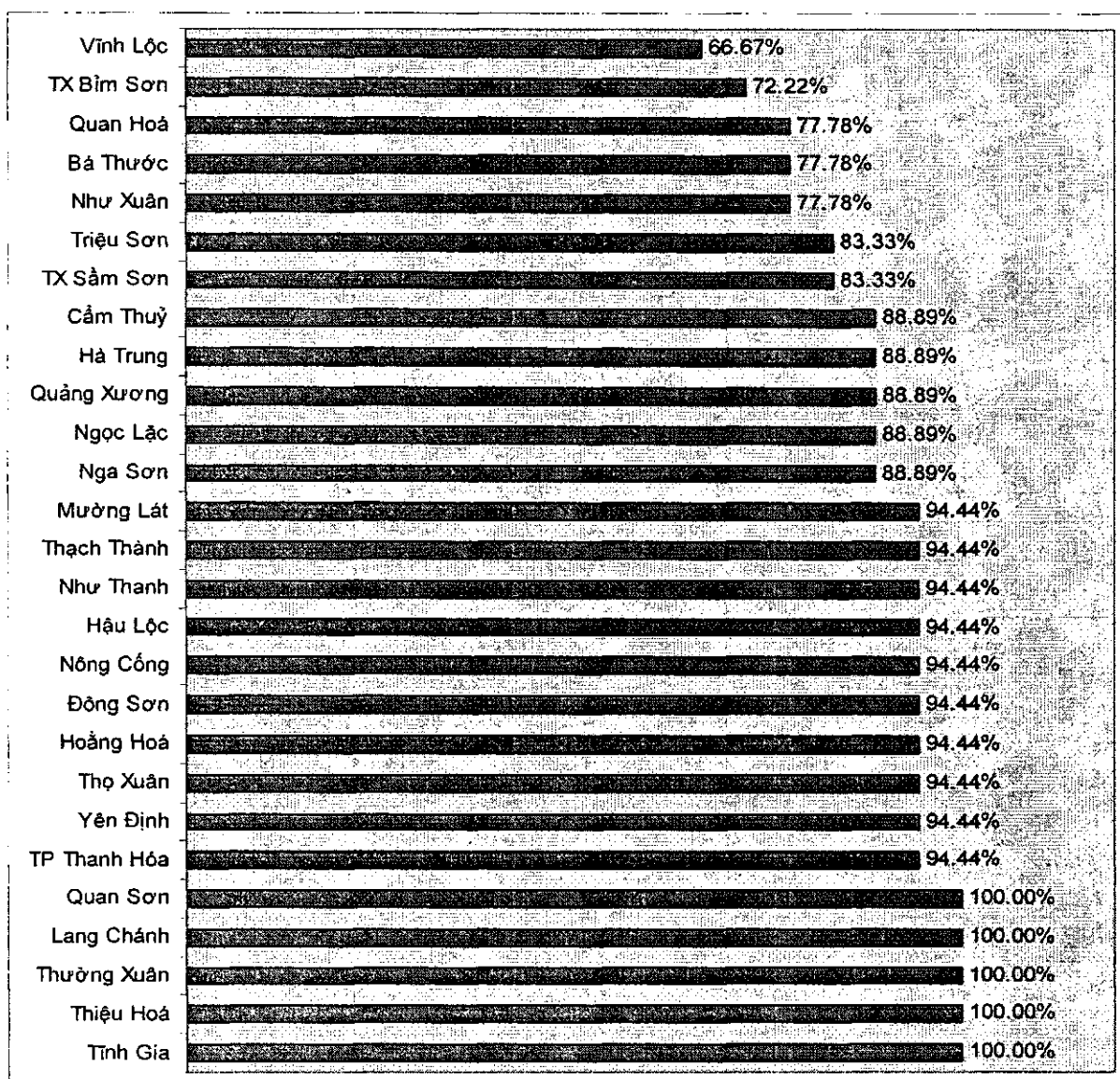
Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính được đánh giá trên 2 tiêu chí là: Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính và Công khai thủ tục hành chính và bao gồm 8 tiêu chí thành phần.

Kết quả cho thấy tại Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính chỉ có thành phố Thanh Hóa đạt điểm số tối đa 11/11 (đạt 100%), giá trị trung bình của các huyện là 73,4%.

Kết quả này cũng thể hiện những kết quả tích cực của cải cách thủ tục hành chính mà các huyện đã đạt được. Trong năm 2014, triển khai 25 Nghị quyết của Chính phủ về phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, các huyện đã tiếp tục có những triển khai quyết liệt, trên cơ sở kế thừa những kết quả của các năm trước. Ngoài ra, thực hiện đánh giá tác động về quy định thủ tục hành chính trong các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh. Đa số các huyện đã sớm ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch rà soát thủ tục hành chính, góp phần nâng cao Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính. Hầu hết thủ tục hành chính đã được địa phương cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và

các phương tiện thông tin đại chúng, giúp cho người dân, tổ chức dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin về quy trình thủ tục trước khi tiến hành giao dịch tại cơ quan nhà nước.

2.4. Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước



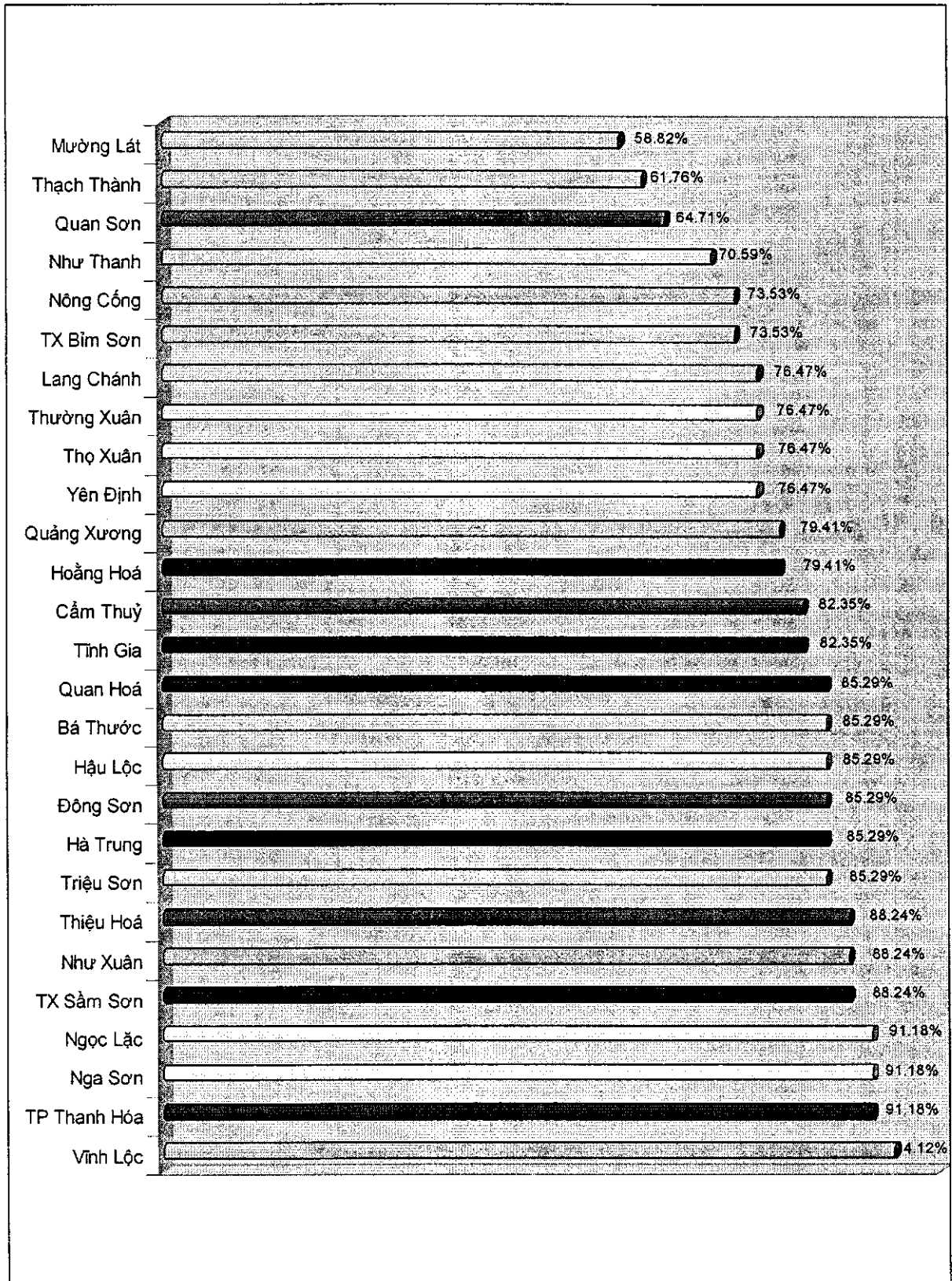
Hình 16. Điểm số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Hầu hết các huyện đã tổ chức thực hiện tốt nội dung cải cách tổ chức bộ máy, góp phần đạt được Chỉ số cao tại các tiêu chí: tuân thủ các quy định của Chính phủ, của tỉnh về tổ chức bộ máy; thực hiện chức năng; nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp huyện; kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp huyện; thực hiện phân cấp quản lý và kết quả thực hiện quy chế làm việc của huyện.

27 đơn vị cấp huyện đạt chỉ số trên 80%.

Kết quả cũng cho thấy không có sự chênh lệch nhiều giữa nhóm các huyện đứng đầu và các huyện đứng cuối; Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy đạt đều tại cả 5 tiêu chí.

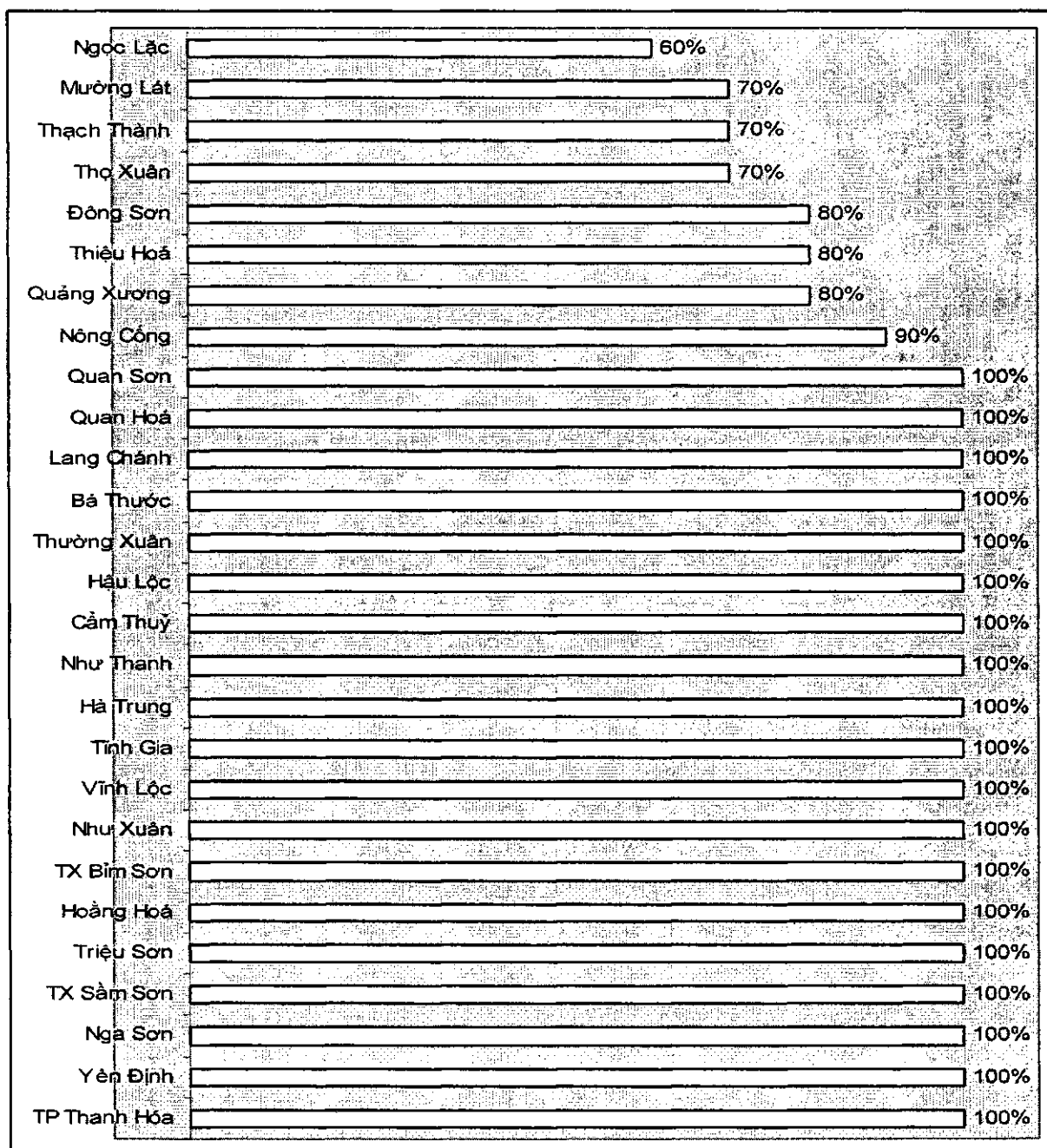
2.5. Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức



Hình 17. Điểm số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tại chỉ số thành phần này, các huyện có sự chênh lệch về điểm số đạt được. Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần này chỉ đạt 80.72%; không có đơn vị nào đạt chỉ số tối đa. Các huyện miền núi điểm đạt được cũng thấp hơn so với các huyện còn lại.

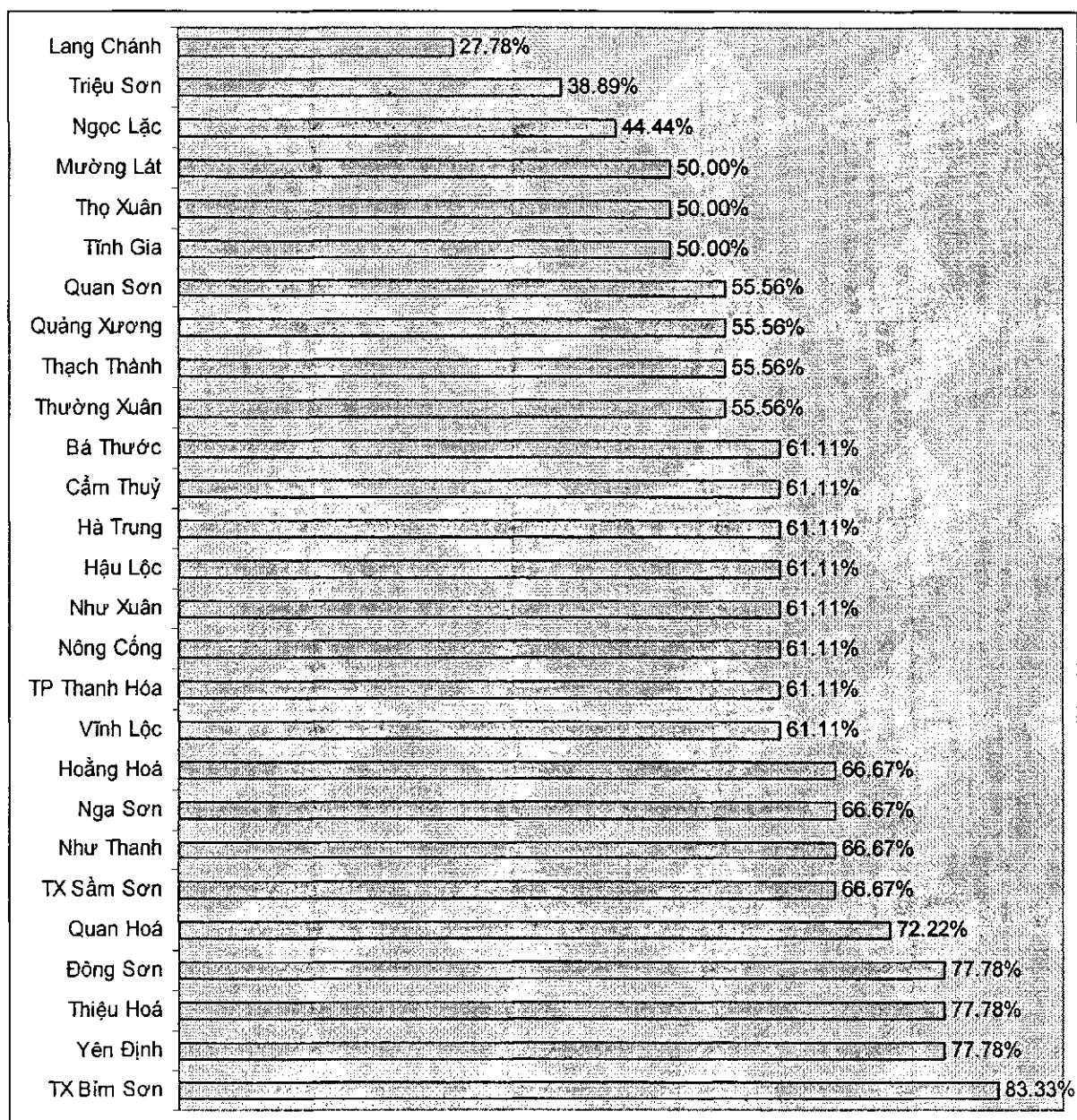
2.6. Chỉ số đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập



Hình 18. Điểm số đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính 2014 cho thấy có 27 huyện đạt Chỉ số thành phần đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên 90%, giá trị trung bình đạt được của Chỉ số thành phần này là 92,60%,

2.7. Chỉ số hiện đại hoá hành chính

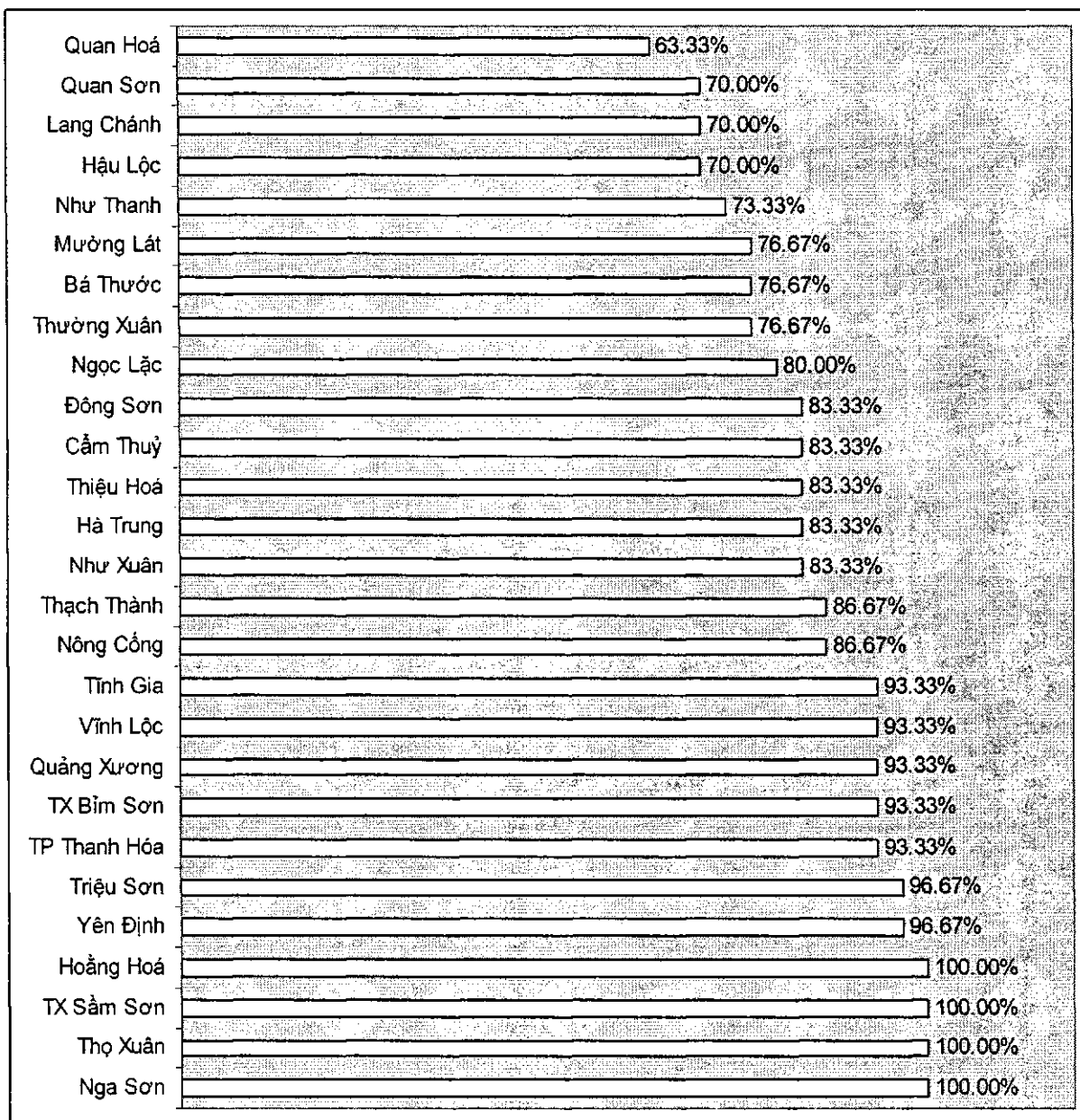


Hình 19. Điểm số hiện đại hoá hành chính

Chỉ số thành phần Hiện đại hoá hành chính được đánh giá tại 3 tiêu chí. Về cơ bản, những tiêu chí này đã thể hiện được phần nào chất lượng và tình hình triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của các huyện, tiêu chí áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc tổ chức thực hiện các quy trình quản lý hành chính nhà nước.

Chỉ số trung bình ở tiêu chí này khá thấp chỉ đạt 60,29%, đơn vị đạt chỉ số cao nhất là thị xã Bỉm Sơn với 83,33%, đa số 11 huyện miền núi đều rơi vào nhóm đạt chỉ số dưới trung bình; như vậy đòi hỏi phải có sự đầu tư thích đáng trong công việc hiện đại hóa nền hành chính tại những đơn vị này.

2.8. Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.



Hình 20. Điểm số thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Thực hiện cơ chế một cửa là một chặng đường dài cùng với tiến trình CCHC trong nhiều năm qua. Chỉ số thành phần thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông được đánh giá tại 4 tiêu chí. Sự tác động qua lại giữa các tiêu chí này cũng như những kết quả tích cực của thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông với chất lượng CCHC đã luôn là trọng tâm trong nghiên cứu, đánh giá và áp dụng để thực hiện của các huyện trong tỉnh.

Khi các nội dung thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong quá trình thực hiện trong nhiều năm đã được thể chế hoá, hướng dẫn và quy định phải thực hiện thì việc đánh giá sẽ là công cụ quan trọng để xác định chất lượng và hiệu quả cải cách hành chính của các huyện.

Tuy nhiên, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông không phải lúc nào cũng đạt được kết quả cao, đồng đều giữa các huyện, các vùng miền trong

tính. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội cũng là yếu tố tác động đến quá trình tổ chức và thực hiện cơ chế này. Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần này; hầu hết các huyện miền núi đều thuộc nhóm đạt chỉ số thấp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan hành chính các cấp ở địa phương thì điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hoá cũng đóng vai trò thiết yếu đối với chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan hành chính. Điều này cũng sẽ góp phần nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, doanh nghiệp và người dân đối với chính quyền địa phương.

Chỉ số trung bình ở tiêu chí này đạt 85,43%, đơn vị đạt chỉ số tuyệt đối là các huyện Thọ Xuân, Hoằng Hóa, Yên Định với 100%, đa số 11 huyện miền núi đều rơi vào nhóm đạt chỉ số dưới trung bình.

PHẦN BA: KẾT LUẬN

I. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Nhận xét chung

Chỉ số CCHC của các sở, ngành kết quả cao hơn so với cấp huyện. Điều này cũng có thể nhìn nhận từ sự nghiêm túc trong chỉ đạo, điều hành CCHC của sở, ngành; từ sự nhận thức ý nghĩa, vai trò quan trọng và những quyết tâm chính trị của người đứng đầu. Nhiều chỉ số thành phần các sở, ngành cũng có giá trị bình quân cao hơn so với một số Chỉ số thành phần của chỉ số cải cách cấp huyện.

Tất cả các sở, ngành và các huyện còn có kết quả thấp tại nhiều tiêu chí ở nhiều Chỉ số thành phần. Như vậy công tác ban hành kế hoạch để định rõ lộ trình và cách thức tổ chức thực hiện triển khai chỉ đạo, điều hành CCHC, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức kiểm tra CCHC, tổ chức bộ máy sẽ góp phần thiết thực đem lại hiệu quả Chỉ số CCHC của các Sở, ngành; các huyện.

Kết quả chỉ số CCHC 2014 chỉ phản ánh tương đối khách quan kết quả triển khai CCHC thực tế của các Sở, ngành; các huyện và là nguồn thông tin quan trọng giúp các sở, ngành; các huyện nhận biết được những mặt mạnh, mặt yếu của mình trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC từ rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp để cải thiện Chỉ số CCHC năm 2015 và các năm tiếp theo.

2. Ưu điểm và hạn chế

2.1. Ưu điểm

Việc triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC về cơ bản theo đúng kế hoạch, bảo đảm chất lượng tiến độ thời gian. Công tác tổ chức tự đánh giá, chấm điểm được các ngành, các huyện tiến hành nghiêm túc, khách quan, tương đối chính xác, việc chấm điểm đối với các tiêu chí dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng bảo đảm độ tin cậy.

Công tác tham vấn tổ thẩm định được thực hiện nghiêm túc, phát huy được sự tham gia của các sở, ngành trong việc đề xuất ý kiến để Giám đốc Sở Nội vụ có cơ sở quyết định điểm đánh giá đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC đối với các sở, ngành; các huyện một cách khách quan, công bằng; đồng thời tổ chức công bố và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

2.2. Hạn chế

Do đây là lần đầu tiên triển khai nên thiếu kinh nghiệm, Sở Nội vụ cũng như nhiều cơ quan, đơn vị còn lúng túng trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực CCHC còn thiếu nên khó khăn cho việc đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Việc phối hợp giữa các cơ quan tham mưu CCHC và các cơ quan liên quan trong Sở, ngành; các huyện chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để tự chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

Nguồn lực (con người, tài chính) triển khai xác định chỉ số CCHC năm 2014 còn thiếu, trong khi sự phối hợp của Sở nội vụ với một số cơ quan còn lúng túng, ảnh hưởng đến việc triển khai và tiến độ thời gian thực hiện theo kế hoạch đề ra.

Một số sở, ngành; huyện chưa quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, quyết liệt nên kết quả triển khai chậm so với quy định, báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và thiếu các tài liệu kiểm chứng, gây khó khăn cho việc thẩm định ảnh hưởng đến tiến độ thời gian.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Xác định chỉ số CCHC được coi là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của các sở, ngành, các huyện. Để bảo đảm thông tin kịp thời về kết quả Chỉ số CCHC năm 2014, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai xác định chỉ số năm 2015 và các năm tiếp theo được tốt hơn, Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị một số vấn đề sau:

- Đề nghị các sở, ngành; các huyện căn cứ vào Chỉ số CCHC năm 2014 có giải pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC năm 2015 để nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai CCHC của cơ quan, đơn vị mình. Quan tâm chỉ đạo và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai tốt kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2015 và các năm tiếp theo.

- Đề nghị UBND tỉnh, sở tài chính quan tâm bố trí đầy đủ kinh phí để Sở Nội vụ, các sở, ngành, các huyện có đủ điều kiện và thuận lợi hơn trong triển khai kế hoạch xác định chỉ số CCHC năm 2015 và các năm tiếp theo.

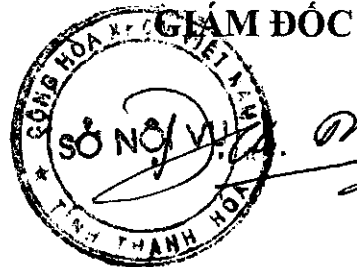
- Đề nghị UBND tỉnh từ năm 2015 lấy kết quả xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành, các huyện để đưa vào ***kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính*** theo Quy định tại Quyết định số 4129/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của của các sở, ban,

ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo chỉ số CCHC của các sở, ngành cấp tỉnh, các huyện năm 2014 Sở Nội vụ mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các sở, ban, ngành, địa phương để cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác xác định chỉ số CCHC trong những năm tiếp theo. / *ĐTT*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT.



Đâu Thanh Tùng

